

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUÊ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Trưởng nhiệm : Nguyễn-năng-Ou-Đe
Chủ tịch hội Phật-giáo
Ban-lý : Cung-đình-Binh

Chánh chủ bút : Phan-chung-Thú
Sư cụ chùa Bàng-Sô
Phó chủ bút : Dương-văn-Hiền
Sư cụ chùa Tê-Cái

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

MỤC LỤC

	Số trang
1. Đại Từ-bi	3-14
2. Ăn chay	14-20
3. Lễ đặt viên đá tảng chùa Trưng-lâm	23
4. Phương danh các vị cùng liên công đức lâm chùa	30
5. Tây Vực-ký	31-38
6. Khóa-Hư giảng yếu	35-38
7. Bài đáp những câu hỏi của một vị đọc báo Buộc-Tuyệt (tiếp theo và hết)	39-41
8. Có con gái Phật hai đầu (lịch sử tiểu thuyết)	42-44
9. Thơ sư	45-46

TIN CÁC HỘI VIÊN QUA CỎ

Mme Nguyễn thị Căn, hội viên chi Hội Bảo lộc (Sông tây), viên tịch ngày 2 Mai 1939.

Mme Kiều thị Châu, 98 Rue Goussard Hanoi, viên tịch ngày 23 Mai 1930.

Sư Cụ Thanh-Thai, Đại lý nội hộ chi Hội Phật giáo Kiến-an, trụ trì chùa Đào-yêu, huyện An-dương, Kiến-an, viên tịch ngày 11 Mai 1939.

Cụ Nguyễn thị Thông, 5 làng Tương-mai, huyện Thanh-tri Hà-dong, viên tịch ngày 28-5-1939.

GIẤY NÓI

Số 836: Cụ Chánh Hội-trưởng Thái-hà-áp.

Số 832: Nhà in Đ. T. chùa Quán-sư, số 73 Richard Hanoi.

ĐẠO TỪ-BI

Tống-nho bài bác đạo Phật, chê là ái-vô sai-đãng. Tống-nho học đạo Khổng chỉ biết có câu « nhân hữu ngũ luân » và câu « thân kỳ sở thân », tưởng rằng người ta ở đời chỉ có năm thứ bực mà thôi, tưởng rằng ta chỉ nên thân yêu những người thân quyến của mình mà thôi. Nhưng đạo Khổng có thiên-hiệp như thế đâu. Đức Khổng-tử dạy trẻ mới đi học đã dạy : « phiếm ái chúng », nghĩa là gồm yêu hết thấy mọi người ; Dạy người đã biết thì ngài dạy « thân thân nhi nhân dân, nhân dân nhi ái vật », nghĩa là thân yêu người thân quyến của mình, rồi đem lòng nhân từ đối với mọi người ; đem lòng nhân từ đối với mọi người, rồi đem lòng thương yêu các loài vật. Tống-nho chỉ có ông Trương-Hoàn-Cừ là biết rõ đạo Khổng : Trong sách Tây-minh, Trương-hoàn-Cừ có câu « dân ngô đồng bào, vật ngô giữ giã », nghĩa là hết thấy mọi người đều là đồng bào của ta, hết thấy các loài vật đều là giống cùng sinh cùng trưởng với ta. Câu này thực là phát minh được đạo nhân của Khổng-phu-Tử, mà thực là phù hợp với đạo từ bi của Phật-tổ vậy.

Từ bi không phải là quá ư nhân nhu như người ta thường nói. Đạo từ bi vẫn hàm cái ý dũng mãnh tinh tiến, mà thực hành ra thì là những việc cứu-tai tuất nạn, những điều nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hào kiệt. Trong kinh Hoa-nghiêm nói hai chữ từ bi có câu « bất ly ư đạo cố, đặc thiên trụ đại bi lực ; bất xả ích lợi chúng sinh cố, đặc thiên trụ đại từ lực » nghĩa là không rời bỏ đạo phải cho nên giữ được sức đại bi ; thường thường làm ích lợi cho chúng sinh, cho nên giữ được sức đại từ. Lại có câu « dĩ đại từ vi sở trụ sứ, ư nhất thiết chúng sinh tâm bình đẳng cố,

dĩ đại bi vô sở trụ sử, bất khinh vị học cổ », nghĩa là thường giữ được lòng đại từ, vì đối với chúng sinh coi ai cũng như ai ; giữ được lòng đại bi, vì không khinh những kẻ chưa hiểu. Lại có câu « phát đại từ tâm, cứu hộ nhất thiết chúng sinh cổ, phát đại bi tâm, đại nhất thiết chúng sinh thụ khổ cổ », nghĩa là phát lòng đại từ, nên cứu hộ hết thấy chúng sinh; phát lòng đại bi, nên thay hết thấy chúng sinh chịu điều khổ nào.

Đạo Phật thực là quảng đại, thực là huyền diệu, nhưng muốn nhập môn đạo Phật, muốn thành chính giác, trước hết ta phải giữ đạo từ bi. Muốn có chứng cứ, tôi xin dịch mấy câu kệ của đức Hiền-thủ bồ-tát như sau này :

Nếu có thể thương xót, độ thoát cho chúng sinh, thì có thể yêu mến những phép mầu nhiệm ; nếu có thể yêu mến những phép mầu nhiệm, thì có thể bỏ được lòng kiêu mạn và lòng phóng túng ; nếu có thể trừ bỏ được lòng kiêu mạn và lòng phóng túng, thì có thể làm ích cho hết thấy chúng sinh ; nếu có thể làm ích cho hết thấy chúng sinh, thì có thể đối với đời người không mỗi mọt, không chán nản ; nếu có thể đối với đời người không mỗi mọt, không chán nản, thì có thể mạnh giỏi không ai thắng nổi ; nếu có thể mạnh giỏi không ai thắng nổi, thì có thể trở nên đại thần thông.

Ấy đạo từ bi của đức Phật đại khái là thế, thực là rộng rãi, thực là to tát. Nhưng nói là hết thấy chúng sinh là nói thuộc về ý niệm đó mà thôi ; chứ thuộc về thực tế thì Phật có độ được hết thấy mọi người đâu ? Những người phạm tội, Phật có cứu cho thoát khỏi trầm luân đâu ? Những giống tàn ác, những loài vô lương, giết lẫn nhau, ăn thịt lẫn nhau, Phật có ngăn cấm được đâu ? Phật chỉ cứu vớt những người có thể cứu vớt được, khai đạo những người có thể khai đạo được mà

thôi. Ta học đạo Phật ta phải sẵn lòng từ bi ; ta không có thể làm ích lợi cho hết thấy chúng sinh ; nhưng đối với mọi người, đối với các loài vật, bất kỳ người xa, người gần, bất kỳ loài lớn, loài nhỏ, ta phải sẵn lòng nhân hậu để thực hành cái đạo từ bi, tùy sức ta làm được thế nào hay thế ấy.

Đạo từ bi của đức Phật thực là rộng rãi, thực là cao siêu ! không có bờ bến nào, không có chừng mực nào. Nay muốn nói đạo từ bi thiết thực riêng về đời người, riêng về cõi diêm-phù-đề này, tôi xin theo như đạo Khổng chia làm ba mục :

1. Thân thân, là thân các người thân thuộc của mình.
2. Nhân dân, là nhân từ với hết thấy mọi người.
3. Ái vật, là thương yêu các loài vật.

Nói về thân thân. - Ta đừng tưởng Phật Tổ là người ruộng bỏ gia-đình, xa lánh thân quyến. Phật từ thừa nhỏ, đã có lòng mộ đạo, có chí xuất-gia. Chỉ vì một lòng hiếu thuận, phải vâng lời vương-phụ, kết duyên với bà Du-da Đà-la, một nhà xum họp, mười năm Ân ái, sinh được ông con trai là La-hầu-La. Chữ hiếu, chữ tình, đôi đường trọn vẹn. Khi Phật trở về tỉnh nhà là tỉnh Già-tỳ-La thì độ ngay cho ông em là ông Nan-đà và ông con là ông La--hầu-La, rồi độ cả cho hai ông em họ là ông A-nan-Đà và ông Đề-bà-đạt-Đa. Lúc khởi đầu đặt ra ban Tỳ-khiêu-Ni thì Phật độ ngay cho bà dì là bà Ba-dờ-ba-Đề. Sau Phật lại lên trên thiên-giới độ cho đức Cổ-Phật-Mẫu là Ma-ha-ma-Gia. Xem thế thì Phật Tổ đối với gia-đình, đối với đạo quán thân, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, vẫn là trọn hết bản phận, đủ nghĩa đủ tình.

Ta theo đạo Phật, chỉ một phần ít là tăng-ni, muốn chóng được Phật quả, xuất gia khổ hạnh, nghĩa là muốn cắt cái lụy gia-tộc để được chuyên tâm về việc tu hành.

Nhưng ông Phó-Đại-Sĩ, ông Bàng-Đạo-Nguyên có xuất gia đầu, vẫn có vợ con, mà vẫn chừng được đạo, thành bậc Bồ tát.

Chúng ta phần nhiều là có gia đình, có bản phận làm cha, làm con, làm anh, làm em, làm chồng, làm vợ. Ta là đệ tử Phật, ta phải học đạo từ bi của Phật.

Ta là con, ta nên nghĩ mẹ ta sinh ra ta, chín tháng mang thai, xiết bao nặng nhọc ! ba năm bú mớm, xiết nỗi khó khăn ! có khi mẹ ta nhin đôi đũa cho ta no, chộp rét đũa cho ta ấm. Ta nên nghĩ cha ta sinh ra ta, làm lưng vất vả để nuôi nấng ta, ngày đêm chặt vật để săn sóc ta. Rầu rĩ thay những lúc thuốc thang cho ta ! vài vả thay những lúc gậy dựng cho ta ! Ta bây giờ nên người có tai mắt thông minh, có thân thể khỏe mạnh, ta nên nghĩ thân ta từ đâu mà ra, từ đâu mà có ? Nữ nào ta no mà để cha mẹ đói ? ta ấm mà để cha mẹ rét ? ta an nhàn sung sướng mà để cha mẹ điều đưng buồn rầu ? Nữ nào ta không làm trọn cái bổn phận làm con, làm cho cha mẹ được vui lòng bởi dạ để hao đến chút đỉnh những công đức bằng giờ bằng biển !

Ta là em, là anh hay là chị, ta nên nghĩ anh em chị em là người cùng một giọt máu, cùng một khúc ruột, cùng là công mang nặng, đẻ đau, nuôi nấng, gậy dựng của cha mẹ. Nữ nào để anh có mà em không ? Nữ nào để em sướng mà anh khổ ? Nữ nào không yêu mến nhau, bù chi nhau để cho cha mẹ được vui lòng ?

Ta là chồng, ta nên nghĩ vợ ta đã đem gửi xuống, gửi thục cho ta, chia cái vui cái buồn của ta. Nữ nào để gương vỡ bình rơi ! Nữ nào để cho người phải khổ, thăm cười gương, phải tủi phận hơn duyên ?

Ta là vợ, ta nên nghĩ chồng ta là người loan chung phụng chạ của ta, giữ cái số mệnh của ta. Nữ nào mà uểng chí, tiếu bức ? Nữ nào mà dạ cá lòng chim ? Nữ nào để cho người phải âm thầm giọt lệ ? Nữ nào để cho người phải ngao ngán nhân duyên ?

Ta đối với chú, bác, cô, dì, cậu, mợ ta là người ngang hàng với cha mẹ ta. Nỡ nào ta dương mắt trông các ngài những khi khó khăn đau ốm, những khi va gió tai bay? Ta đối với anh em chị em trong họ là người cùng một huyết thống. Nỡ nào để cho người phải đau đớn xót thương? Nỡ nào để cho người phải điêu linh vất vả.

Phật Tồ kiếp trước là Thái-tử Tu-Đồ Đê con vua Thiện-Trú ở nước Đạc-thoa-thi-ly. Thái-tử mới lên bảy tuổi mà thông tuệ khác thường, ngôn ngữ cử chỉ nghiêm nghị là một vị hiền triết. Bấy giờ trong có quan đại thần là La-Hầu làm phản vua Thiện-trú thế bách phải vì hành chạy sang nước khác. Hoàng-hậu cũng âm Thái-tử cùng đi tòng vong. Đường xa, lương cạn. Vua cùng Hoàng-hậu cùng nuốt bưng, rời châu, vừa nhọc, vừa đói, tinh thần thành ra mê loạn. Vua thương Thái-tử quá, không muốn để cho chết đói, và nghĩ: sống một vài người còn hơn chết cả ba người. Bèn báo Hoàng-hậu âm Thái-tử đi trước, định ở đằng sau đâm chết Hoàng-hậu để lấy thịt nuôi Thái-tử và nuôi mình. Thái-tử ngoảnh lại thấy bố rút dao chực giết mẹ. Vợ kêu lên, ở trên lưng mẹ nháy xuống, cầm lấy dao của cha xéo ngay thịt của mình để hiến cho mẹ. Sự đã dĩ nhiên, Vua cùng Hoàng-hậu cũng phải nuốt nước mắt ăn miếng thịt đùi của Thái-tử. Khi đi đến một nước khác, vua nước ấy thấy Thái-tử lạ lùng như thế, hết lòng sùng bái, đón Thái-tử cùng Vương, Hậu Thiện-Trú về cung phụng dưỡng. Thái-tử rồi cũng lành mạnh như thường. Sau vua nước ấy mang quân đưa Vương-hậu và Thái-tử về nước Đạc-Thoa Thi-ly, giết La-hầu phục lại ngôi vua.

Phật Tồ kiếp trước nữa là Thái-tử Thiện hữu con vua Ma-ba-la-xà nước Ba-la-nại, Thiện hữu có một người em là Hoàng tử Ác-hữu. Ác-hữu tính khí hung tợn, thường đem lòng hủy hại Thiện-hữu. Bấy giờ Thiện-hữu được phép vua cùng đi với Ác-hữu vào bề tìm châu báu Giữa đường Ác-hữu sợ chết ở lại, một mình Thiện hữu đi

xuống bề. Thiện hữu đi dưới bề, trải bao sóng gió hiểm nghèo, gặp bao rồng rắn độc giũ, tìm được một hạt như ý châu và hai viên ngọc chiến-dà ma ny. Thiện-hữu thành công giờ về đến giữa đường thì gặp em là Ác-hữu. Ác-hữu thấy anh đã được châu báu mang về, mặt hăm hăm hại, một là để tranh công của anh, hai là để tranh ngôi Thái-tử của anh; bèn lừa lúc anh ngủ lấy hai cành tre chọc vào hai mắt anh, rồi cướp lấy ba viên ngọc đem về dâng công với vua. Về phần Thái-tử Thiện-hữu từ đấy bị mù tịt, phải đi lang thang cầu thực. Khi đi đến nước Lợi-xa-Bát, Thiện-hữu gặp công chúa nước ấy đem lòng quyến luyến, kết nghĩa tẩn tẩn, rồi mù tịt cũng khỏi hẳn. Sau vua nước Lợi-xa-bát thân hành đưa Thái-tử và công chúa về nước Ba-la-nại, giả lại vua Ma-ba-là-xà. Trước khi Thái-tử về, Ác-hữu vì mưu gian phát-lộ bị Vương-phụ giam vào ngục tối, Thái-tử về đến nhà liền tâu với Vương-phụ xin tha cho em, thân hành đến cõ, gồng, cùm siêng sách cho em, rồi hết nhờ ứ dụ em một niềm yêu chuộng, không còn nghĩ gì đến việc em đã làm trước.

Ta xem hai chuyện này có thể biết Phật-tổ đối với gia-đình là thế nào vậy.

2. Nhân dân. — Đạo Phật có câu « nhất thiết chúng sinh bình đẳng », nghĩa là coi chúng sinh ai cũng như ai; và câu « oán thân bình đẳng », nghĩa là coi người cừu thù với người thân quyến cũng như một. Thuyết oan thân bình đẳng là thuộc về trường hợp đặc biệt, ai có lượng bao dung, có lòng quảng đại đều có thể thực hành được cả. Còn như thuyết nhất thiết chúng sinh bình đẳng nghe như trái với thường tình. Nhưng ta nên biết câu này nói về đại thể; chứ không phải nói về chi tiết. Nói về chi tiết thì ai cũng phải nuôi vợ nuôi con trước, chứ cơm gạo đâu mà nuôi được hết thấy mọi người. Ai cũng phải thờ mẹ - kính cha trước, chứ hơi đâu mà thờ kính hết người thiên hạ. Nhưng nói về đại thể thì bất luận

người gần, hay người xa, người quen, hay người lạ, ta cũng coi như một, cũng thương như một.

Ta đối với người nghèo khổ, ta nên nghĩ: cũng là ở trong vũ trụ cũng là cái kiếp phù sinh; sao ta cơm dẻo canh ngon, mà người bữa ăn, bữa nhịn? sao ta trên chèo, dưới đệm, mà người khổ rách áo ôm?

Đối với người tàn tật, ta nên nghĩ: cũng là kiếp người, cũng là tinh linh; sao ta tai mắt thông minh, mà người đui mù khổ sở? sao ta chân tay lành mạnh, mà người què cụt điều linh?

Đối với người hoạn nạn, ta nên nghĩ: cũng một thế giới, cũng một thời gian; sao ta an nhàn, mà người vất vả? sao ta vui sướng, mà người âu sầu? sao ta muốn gì được nấy, mà người mất cả tự do?

Ta nghĩ như thế là cái lòng từ bi của ta, còn cái sức từ bi của ta thì ta làm được phần nào hay phần ấy.

Sức từ bi không gì bằng đạo bồ đề thí. Trong kinh Hoang-nhiem, đạo Phật có mười điều thanh tịnh bố thí: 1.) Bố thí đồng thí là bố thí không kể xa, người gần. 2.) Tùy ý thí là bố thí cho thỏa lòng nguyện-vọng của người. 3.) Bất loạn thí là bố thí làm sao cho được ích lợi. 4.) Tùy nghi thí là bố thí nhiều ít cho vừa phải. 5.) Bất thối thí là bố thí không cầu quả báo. 6.) Khai xả thí là bố thí không biết tiếc. 7.) Nhất thiết thí là bố thí cho đến hết. 8.) Hồi hướng bồ đề thí là không nghĩ gì đến những việc đã làm. 9.) Giáo hóa chúng sinh thí là hết lòng chỉ dẫn mọi người. 10.) Tam luân thanh tịnh thí là đối với người làm ơn người chịu ơn và của làm ơn coi là không hư cả.

Phật tổ kiếp trước là ông Nặc-na Đờ-da, người nước Ba-la-nại. Nặc-na Đờ-da đi chơi, đến một khu rừng, thấy một người khóc lóc thảm thiết, rồi lấy dây thắt vào cổ buộc lên hai cành cây chực tự tử. Nặc-na Đờ-da liền chạy đến nơi, lấy lời can ngăn khuyên nhủ.

bảo nên lấy thân mạnh làm trọng. Người ấy nói : « Tôi nhà ít phước, làm ăn không gặp, mắc nợ nhiều người. Nay những chủ nợ hết sức thôi dõ, hết nhời lằng nhục. Tôi đêm ngày ru uất, thế giới tuy rộng, mà không một chỗ dung thân. Tôi muốn chết đi cho đành », Nặc-na Đò-da bèn bảo người ấy rằng : « Bác cứ việc cởi dây ra, công nợ bao nhiêu tôi giả cho bác hết ». Người ấy nghe nói mừng rỡ, theo Nặc-na Đò-da về nhà. Bấy giờ chủ nợ kéo đến đông như kiến, Nặc-na Đò-da có đồng nào chữ nào, đem ra giả nợ dạy hết, đến nỗi vợ con phải đi xin ăn.

Phật tổ kiếp trước nữa là vua Thiết-dầu-la-kiên-Ninh. Vua có lòng nhân từ, nhân dân trong nước ai nấy đều được đội ân. Bấy giờ có điềm tuệ tinh, nhà thiên-văn tâu rằng sẽ đại hạn trong mười hai năm. Vua lấy làm lo sợ, không biết làm thế nào được, tình đem thóc kho phát chẩn cho dân, thì mỗi người chỉ được một ngày no đủ. Mười hai ngày dần cũng đã chết đói rồi, hưởng chi là mười hai năm. Vua đem ngày lo nghĩ tìm kế giúp đỡ dân, thì dùng chiếc đũa ngọc giờ đây vài giờ phút, thế xin xả thân hóa làm con cá nhỏn để lấy thịt nuôi dân trong khi đói thiếu. Vua nói thế rồi tức thời trèo lên ngọn cây, gieo mình xuống sông tự tử. Mà nhời vua cũng linh ứng quá : Hậu thân vua trở nên một con cá dài năm trăm dặm. Dân trong nước đương cơn đói, thấy có cá to bảo nhau ra bắt lấy thịt ăn. Mà cũng lạ : Con cá có cái tế bào kỳ dị : những thịt bị cắt hôm trước, hôm sau lại thấy đầy lên. Toàn dân trong nước nhờ thế mà thoát được cái nạn cơ-ngã trong mười hai năm. (Chuyện này nghe như huyền hoặc, nhưng theo nghĩa nhất thiết duy tâm tạo, thì việc gì cũng có thể có).

Ta xem mấy chuyện này thì đủ biết Phật tổ đối với nhân loại là thế nào vậy.

3. Ái-vật. — Ngũ giới trọng nhất là sát sinh. Theo như Phật học, những loài dễ con, dễ trứng, những loài vì âm thấp mà sinh ra kiếp trước đều là người cũ. Loài vật cũng có tri giác, cũng có luân lý như ta, mà có khi lại hơn ta nữa. Những loài ở tổ, biết giới sắp giờ, những loài ở lỗ, biết giới sắp mưa, gà biết lúc nửa đêm, lúc giới sáng; chó biết đánh hơi trộm, biết nhận mặt người, Thử xem tri giác của loài vật đã mấy người hơn ! Loài ong, loài kiến biết đạo quân thần; loài hổ, loài lang có tình phụ tử; loài hồng nhạn biết thờ tự anh em; loài hồ-câu biết giữ nghĩa vợ chồng; loài chim biết tìm bạn; loài voi biết hợp-quần. Thử xem luân lý loài vật đã mấy người bằng ! Ta đừng tưởng loài vật không biết nói. Chúng nói ta không hiểu đó mà thôi. Ở Á-dông cổ nhân đã nhiều người hiểu được tiếng điều thú; ở Thái-tây bây giờ người ta cũng đương nghiên cứu về tiếng nói của loài vật.

Ta với loài vật cùng là động vật, cùng là loài có tri giác, có luân lý. Vậy ta đối với loài vật cũng nên giữ đạo từ bi.

Tục ta nhà có ma chay thường hay sát sinh. Ôi ! bố mẹ đã chết, lại làm chết thêm mấy mạng nữa, chỉ làm chậm việc siêu thăng của bố mẹ mà thôi.

Tục ta cưới xin thường hay sát sinh. Ôi ! lấy vợ là đẻ đẻ con. Minh muốn có con, mà lại giết con của loài khác, lòng có yên không ? Chỉ tạo thêm cái nghiệp chướng mà thôi.

Tục ta hội hè tế lễ thường hay sát sinh. Ôi ! Giết bao nhiêu mạng người để cầu cho mình được hưởng phúc, được lãng thọ; quí thần nào chứng cho ?

Những người săn bắn, những nhà chài lưới, nhà đồ-tê, vì sinh kế bắt buộc; khó lòng thôi được. Nhưng cũng nên biết rằng : vì nuôi mấy miệng trong nhà, mà mấy trăm nghìn mạng phải bị hại.

Những câu nói hóa kiếp là câu tạ khẩu. Khi nào nó hết kiếp súc sinh nó tự khắc hóa.

Đạo Phật có lệ phóng sinh. Ta nên tùy sức, phóng được một con là tạo được một quả phúc. Kinh Phật nói : « Trứng cá nếu không nấu nướng, ba năm hãy còn sống ». Vậy ném một vừng trứng cá xuống sông là cứu được trăm nghìn mạng đó.

Còn như việc ẩm thực hàng ngày của ta, nếu ăn chay được thì hay, ăn chay được thì khỏi nặng mình, khỏi nặng chí, khỏi buồn ngủ, khỏi si tình. Nếu không thì nên ăn thứ tinh-nhục. Nhà chùa gọi là tinh nhục, là thứ thịt mình không trông thấy giết, không nghe thấy giết, không vì mình mà bị giết.

Đối với những hạng gia-súc như trâu, bò, gà, chó đều có công giúp đỡ ta, ta nên nuôi nấng cẩn thận, không nên hành hạ tàn ác mà mất đạo từ bi.

Ngày xưa có một người đi săn ; Y săn giết lắm, bao nhiêu hươu ở vùng rừng ấy, Y bắn không còn sót một con. Một hôm uống rượu say, Y nhận đứa con bé của Y là con hươu, mài dao chực giết ; người vợ khác can mảy Y cũng không nghe, mổ bụng rút ruột con ra rồi đi ngủ. Sáng ngày Y thức dậy, gọi con lấy nước. Người vợ vừa khác vừa nói : « Con hôm qua cháng giết rồi còn đâu ». Y uất lên, đập mình xuống thêm gạch, chảy cả óc, vãi cả ruột.

Lại một người tên là Mao-Bảo, lúc hàn-vi đi đường gặp người bán một con rùa; liền bỏ tiền ra mua, rồi đem thả xuống sông. Sau Mao-Bảo làm tướng đem quân đi đánh giặc, không may bại trận phải chạy xuống sông Mao-Bảo lội dưới sông, thấy có một con vịt đến nâng lấy chân rồi đưa sang bên kia sông. Lúc lên đến bờ, Mao-Bảo trông xuống chân thì nhận ra là con rùa mà mình đã thả trước.

Lại một người bần-nữ đi ở làm thị tỳ nhà họ Trinh. Một hôm chủ nhà mua được con ba ba to, bảo thị tỳ mang làm thịt. Thị tỳ trông thấy con ba ba, phát lòng từ bi, đem thả xuống ao, rồi nói dối là ba ba chạy mất. Chủ nhà giận quá, đánh thị-tỳ một trận như tử. Sau thị-tỳ mắc bệnh thiên thời sắp chết, người nhà kiêng ra nhà thủy-tạ để chờ chết. Trong khi ban đêm, thị-tỳ nằm ở nhà thủy-tạ thì ở dưới ao có một con vật bò lên, đem bùn rầy vào khắp thân thị-tỳ. Rồi thị-tỳ dần dần giải nhiệt tỉnh lại. Nhà họ Trinh thấy thị-tỳ không chết, lấy làm lạ, đem ra tò mò dòm trộm thì thấy con ba ba đánh mất trước vẫn quanh quẩn bên cạnh thị-tỳ. Họ Trinh cả nhà kinh hãi, từ đó không dám ăn thịt ba ba.

Xem mấy chuyện này, ta biết loài vật cũng biết báo ân, báo oán; mà ta sẽ biết ta đối với loài vật là phải thế nào?

Đạo từ bi của đức Phật quảng đại là bao! cao thượng là bao! Mà càng quảng đại bao nhiêu, càng cao thượng bấy nhiêu; Càng cao thượng bao nhiêu càng ích lợi cho đời bấy nhiêu.

Ta chỉ vì dụng tâm quá hẹp, dùng chữ từ bi quá hẹp, mà thành ra có hại. Vì coi mình hơn loài vật, mà Âu-dương-Tu ăn mỗi bữa một đĩa lưỡi gà, Hà-lãng mỗi ngày một vạn quan tiền thịt. Vì coi mình hơn gia-tộc, mà Ngô Khởi giết vợ để cầu làm quan tướng nước Sở; Dịch-Nha giết con lấy thịt cho Hoàn-Cống ăn để mong vua trọng dụng! Vì coi gia-tộc hơn quốc-gia, mà Trụ-Vương mở xem quả tim của ông Tỷ-Can để vui lòng vợ là Đát Kỷ; Lã hậu chặt chân tay bà Thích-phu-nhân để báo thù cho con là Hiếu-Huệ! Vì coi quốc-gia hơn nhân quần xã-hội, mà Chu-Du đốt cháy hai mươi vạn quân Tào; Khổng-minh đốt chết cả nòi giống Đãng-giáp.

Ở thời đại hơn được kém thua này, biết bao nhiều là sự thương tâm, chỉ vì cái chủ nghĩa vị ngã, cái chủ

nghĩa gia-tộc, cái chỉ nghĩa quốc-gia ! Biết bao người phải tan cửa nát nhà, biết bao người phải đói cơm rách áo để làm sung làm sướng cho một nhà ! Biết bao sông máu, núi sương, biết bao mã kêu quỉ khóc để làm cường, làm thịnh cho một nước ! Trận Âu-chiến trước đây, tử trận đến hơn triệu người ! Trận Ý-Á gần đây, tử thương đến mấy mươi vạn người ! Trận Trung-Nhật hiện thời, người Nhật chết có hơn bảy mươi vạn, người Tàu vừa chết về súng đạn Nhật-bản, vừa chết về nước sông Dương-Tử có ngót hai triệu nhân mạng mà họ đã thối giết nhau đâu.

Trông trong thế giới, thấy những điều khốc hại, những điều đau đớn, mới biết đạo từ bi là đạo cả.

Trần-thục-Cap

ĂN CHAY

(Giải thích về ăn chay theo khoa-học Âu tây
và theo Lý thuyết đạo Phật) (1)

Nam-mô A-di-đà Phật,

Thưa các Giáo-hữu,

Đức Phật Như-lai hơn hai nghìn năm trước đây các đồ đệ thường nói rằng : « Muốn bước vào cõi Niết-bàn trước hết phải có một cái thân thể tinh khiết và tráng kiện » Muốn cho các đồ đệ được cái thân thể tinh khiết và tráng kiện đức Phật-tổ Như-lai lại dạy đừng lấy nhục thực mà bồi đắp cho xác thân bởi thể phải dùng hoa quả, rau dưa cho được hợp với lẽ tự nhiên của thân thể. Ấy là đức Phật-tổ Như-lai khuyên ta ăn chay vậy.

(1) (Bài diễn thuyết của ông Nguyễn-văn-Ba Sinh-viên trưởng thuộc Haroi, diễn tại Trung-ương ngày 15 tháng 3 năm Kỷ-mão).

Ăn chay là thế nào ? Tại sao ta không nên ăn thịt cá ? Tại sao ta nên ăn chay ? Các nước có chuộng sự ăn chay hay không ? Ấy là một vài vấn đề đã giải thích trong khoa học, Phật-giáo học, nay tôi góp lại đem công bố để chư vị cùng nghe, cho mọi người đôi chút.

Trước hết tôi xin nói qua các điều sai lầm, các thành kiến mà người ta thường dùng để bắt bẻ sự ăn chay.

1.) Có nhiều người nói : « Tôi thấy nhiều nhà sư hay là cư-sĩ ăn chay trường thường gầy mòn xanh xao, vàng vốt, đi đứng không nổi, làm việc không được nhiều, cả ngày chỉ làm được việc nhỏ, việc nhẹ, như là quét trước, tọng kinh, gõ mõ, chú như gánh gánh gồng gồng, lo việc cây cối, bán buôn nhọc nhằn thì không sao khám được, họ có cái xác thân hèn yếu như thế, thì tinh thần làm thế nào được tinh anh ? bởi thế họ không đương đầu nổi với các vấn-đề khó khăn rắc rối mà cuộc đời bày trước mắt ta và buộc ta phải giải quyết cho xong, họ núp ẩn trong chốn nhà thiền, trong bóng tối, ngày đêm cứ lim-dim đôi mắt để chóng dập tắt ngai sống của họ đi mà thôi. Còn vị sư nào mạnh khỏe là phần nhiều không có ăn chay.. »

Tôi xin thưa rằng : « Ăn chay không phải sẽ bị gầy mòn xanh xao đàu, không phải sẽ có tinh thần yếu đuối đàu, nếu có như thế là tại :

- A) Không chịu vận động.
- B) Thiếu không khí tốt
- C) Ăn ít cơm và không được có nhiều thức ăn.

Nếu các người ăn mặn cũng không chịu vận động, thiếu không khí tốt, ăn không được nhiều thức ăn thì cũng phải xanh xao vàng vốt như vậy. Cái đó là lỗi tại người chứ không phải tại sự ăn chay mà ra.

2.) Có người nói : « Tôi nghe người ta nói ăn chay để theo cho đúng điều giới cấm thứ nhất trong ngũ

giới là kiêng sát-sinh, nhưng không biết rằng ăn rau, ăn hoa quả cũng là sát sinh, bởi vì thảo mộc cũng biết sống như cầm thú vậy, nếu kiêng thảo mộc mà uống nước lã cũng giết được mấy vạn con vi-trùng ở trong nước mà họ không trông thấy. Thế thì ăn chay không khi nào là tránh sự sát-sinh được ».

Tôi xin thưa rằng : « Thật thế, ăn chay không thể nào kiêng hết được sự sát sinh. Nhưng tôi chẳng có thấy trong kinh sách Phật dạy rằng : ăn chay để kiêng cho hết sự sát sinh bao giờ. Ăn chay là trước hết cho thân thể được tráng-khiên, sau kiêng được sát hại những loài cầm thú, (còn vi-trùng các nhà bác-học cho nó về loài thảo-mộc) vì chúng nó cũng biết đau biết khổ, bởi vì bộ óc chúng nó phức-tạp hơn, bộ giây thần kinh đầy đủ hơn, linh hồn của chúng nó gần người hơn. Cho nên người ta ai đã có chút từ tâm, thì không khi nào không động tận đáy lòng, khi trông thấy cái thảm trạng người giết thú vật mà ăn ».

3.) Có người nói : « Trời sinh thú vật để cho người ăn, thế mà kiêng không ăn là làm sao ? Nếu kiêng như thế thì trong ít năm, bò, trâu, dê lợn, gà vịt vân vân... sẽ lan rộng khắp cả địa cầu, thì loài người ở vào đâu được ? Vật dưỡng nhân, mình ăn là phải lắm ».

Tôi xin thưa : « Câu vật dưỡng nhân, là câu của kẻ mạnh nói với kẻ yếu, câu của người nói, đối với súc vật yếu hơn mình. Nếu chúng ta lạc vào trong rừng gặp một bày hổ báo, chúng nó giết ta, ăn ta, rồi nói với nhau : nhân dưỡng vật, thì chắc chúng nó có lẽ cũng tự đắc là có lý một trăm phần trăm. Còn nếu nói con người không ăn thú vật thì nó sẽ tràn khắp thế giới, vậy chứ có ai ăn kiến, ăn ruồi, ăn muỗi dẫu, mà không thấy có tràn khắp thế-giới bao giờ ? »

4.) Người ta còn nói nhiều điều sai lầm nữa, họ nói phải có thịt mới sống được : Họ nói người nước nào ăn ít thịt thì nước đó yếu đuối, còn người nước nào ăn thịt

nhiều thì nước đó hùng cường. Họ nói như thế vì họ quên rằng bên Ấn-độ có hạng người Bà-la-môn, là hạng người thông minh nhất, to lớn nhất, giàu có nhất trong các hạng người ở Ấn-độ. Người Bà-la-môn ăn chay cha chuyển con nôi đã mấy nghìn năm mà vẫn khoẻ mạnh thông minh vẫn còn giữ bực thượng-lưu trong xứ. Nếu cần phải có thịt, mới sống được, thì hạng người Bà-la-môn đã bị tiêu diệt từ đời nào rồi. Và lại ở Á-đông ta dân quê cả năm không có một tý thịt cá gì mà vẫn làm lưng nhọc nhằn vất vả, nhưng không phải vì thế mà chết đói bao giờ.

Họ nói nước mà ăn thịt nhiều thì hùng cường, họ không ngờ rằng dân Nhật-bản ít ăn thịt hơn dân Nga, mà đánh đại bại dân Nga trong năm 1904-1905. Họ không biết rằng lính Nhật trong lúc chiến tranh này (1937-1939) chỉ ăn cơm khô với đậu phụ mà đi mỗi ngày cả trăm cây số không mệt, và không bị các bệnh hiểm nghèo như ta thường thấy trong các đội lính ở Âu-châu trong lúc chiến tranh.

Chư các Ngài đã rõ qua vài điều sai lầm của người ta về sự ăn chay rồi, bây giờ tôi xin nói các điều nghiên-cứu của khoa-học Âu-tây, cho ta biết rằng tại sao mà chúng ta không nên ăn thịt. Chúng ta không nên ăn thịt vì nhiều duyên cớ, nhưng tôi chỉ nói hai duyên cớ chính này mà thôi.

1.) Vì thân thể của con người, trời sinh ra không phải để ăn thịt.

2.) Vì thịt có chất độc cho con người.

1) Tuột vậy, thân thể con người đâu phải để ăn thịt ngũ tạng lục phủ ta không phải để tiêu thịt, loài ăn thịt như cạp, mèo, chó có móng nhọn để cắt lấy mồi, con người ta đâu có như thế. Ta thử cạy hàm răng của con mèo là loài ăn thịt thì ta sẽ thấy như vậy:

— Răng cửa rất nhỏ, răng nanh rất to dùng để bắt mồi và xé thịt.

— Răng hàm rất nhọn và sắc lẫm, dùng để cắt thịt.

Cả hai hàm răng trông như là bao nhiêu kéo nhỏ, bao nhiêu dao nhọn, xếp từng hàng chờ chờ dịp động cắt xé thịt con thú khác.

Còn ta thử nhìn hàm răng của con ngựa là thú ăn cỏ, thì ta thấy như vậy :

Răng cửa dài, răng nanh rất nhỏ, bởi vì nó không dùng để bắt mồi, răng hàm rất to và bằng phẳng dùng để nghiền cỏ.

Còn răng của con người ra làm sao ? răng con người không giống răng của con mèo là loài ăn thịt, cũng không giống răng con ngựa là loài ăn cỏ, con người có ba mươi hai cái răng như sau đây :

— Tám răng cửa không giải không dọn, bốn răng nanh nhỏ, tám răng hàm cần nhỏ, mười hai răng hàm cần to, có nôi u lằn, có chỗ lồi chỗ hõng, không có nhọn như răng mèo mà cũng không bằng phẳng như răng ngựa, nếu ta đem so sánh với loài ăn hoa quả như loài khỉ, thì ta thấy răng răng ta giống hệt như răng loài ấy, răng cần to cũng có nôi u lằn để nghiền hạt của các quả cây. Các thứ vật thiên tính trời cho chúng nó còn giữ. Còn con người ta răng như răng loài ăn hoa quả mà lại chẳng chịu ăn hoa quả, lại đòi ăn như loài ăn thịt thì sao phải.

Cái dạ-dầy của ta cũng không giống với dạ dày tròn và nhỏ của loài ăn thịt, cũng giống với dạ-dầy to và dài của loài ăn cỏ, hình dạ-dầy của ta nó vừa vừa như dạ-dầy của loài ăn hoa quả vậy.

Còn nói về ruột, người ta nên biết rằng ruột của thú ăn thịt dài gấp bốn lần của thân nó. — Còn ruột của

loài ăn cỏ thì giải gắp hai mươi năm lần của cái thân nó, của ruột của giống ăn hoa quả thì dài bằng độ mười lần thôi. Con người cũng có ruột giống như loài ăn hoa quả. Một người cao độ 1m60, thì thân người ấy được chừng 0m75, thì ruột của họ dài được 7m50.

Nếu ta lấy từng bộ phận trong người mà so sánh thì không biết chừng nào mới xong, tôi chỉ nói tóm tắt về bộ tiêu hóa, các bộ khác cũng điều y như vậy.

2- Nếu thân thể trời sinh ra không phải để ăn thịt, thì thịt có hại cho chúng ta.

Nếu ta ăn thịt thì không đủ bổ, không đủ nuôi thân thể ta cho được mạnh khỏe. Thịt thiếu diêm kim (sels minéraux) lân-tính (phosphore) chính đó là hai thứ mà thân thể ta cần dùng nhất để cho được mạnh khỏe và thông minh.

Nhờ diêm-kim, hột máu đỏ (globules rouges) mới sanh ra được, nếu ít diêm-kim thì bị bệnh thiếu huyết ngay, nếu ít diêm magnésie thì óc ta không làm việc siêng năng được, tinh thần sẽ yếu đuối, bạc nhược. Chất lân-tính rất cần yếu cho tế-bào ta, nhất là cho tế-bào bộ óc.

Các chất bổ và cần ích đó, trong thịt có rất ít, mà trái lại trong đậu, mộc nhĩ, hạt rền, hạnh nhân v. v. có rất nhiều.

Thịt đã thiếu chất cần ích cho thân thể, lại còn có chất độc, ăn vào nó phá hoại ngũ tạng lục phủ của ta.

Thịt có nhiều chất đạm-khi (matière azotée) chất đạm khi khi dùng còn thừa thì sinh ra chất độc, như là nhân-trung-bạch-toan (acide urique) nhân-trung-bạch-toan hợp với chất vôi, chất muối mà thành ra đá, sỏi (calcul) trong thân thể con người rồi sinh ra nhiều bệnh hiểm nghèo, các chất độc đó lá gan ta phải tẩy ra, quả thận ta phải lọc ra, tim ta phải sống cho ra, phổi ta

phải quặt cho ra, nên chẳng bao lâu lục phủ ngũ tạng ta sinh ra mệt nhọc yếu đuối bệnh hoạn.

Thịt còn nhiều chất độc khác nữa, vì để lâu mà sinh ra. Như con thú giết từ buổi sáng sớm đến trưa chiều, ta mới nấu nướng thì trong thời kỳ đó thịt sinh ra những chất rất độc như là cadaverine, ptomaine, leucomaïne. Trong thịt lại có trứng của các độc-trùng như là sán sơ-mít, nếu ta ăn không nấu cho thật dừ thì thể nào cũng phải lây bệnh ngay.

Thịt đã có chất độc như thế, lại là một món ăn có tính kích thích bộ máy thần-kinh, khiến cho bộ óc mình mệt mỏi ngay một yếu, nếu óc mình yếu đi thì tâm trí mình kém phần bình tĩnh thông minh. Bây giờ muốn cho trở lại được mười phần bình tĩnh thông minh như trước thì phải dùng sự kích thích mạnh mẽ hơn như café, rượu, a-phiện vân vân ... Bởi thế nên chúng ta thấy mỗi buổi sáng người mệt mỗi uống café, nước chè đậm, để đánh thức óc não thần-kinh, vị họ đã bị các thức độc của thịt làm cho mệt nhọc mỗi mê; như thế người ta tưởng là café, rượu, hay nước chè đậm có chất bổ não, không ngờ nó chỉ có tính kích thích mà thôi. Hễ kích thích thì phải làm cho mệt, thân thể ta mệt mỏi rồi thì ta phải tìm các thứ độc mạnh hơn nữa, để kích thích cho nhiều. kích thích nhiều như thế mới được thông minh bình tĩnh như trước. Bởi vậy ăn thịt thì thường phải uống café, uống nước thì thường hay uống thuốc phiện, nếu ta bỏ thịt tại tự nhiên ta sẽ bỏ rượu, café, thuốc phiện một cách rất dễ dàng.

Đây, tôi không nói chur các ngài cũng biết rằng nếu thịt độc như thế thì bệnh tinh của con người chín phần mười đều do ở thịt mà ra, bởi thế nên các nhà bác học về sinh-lý đã phải la lớn lên rằng: « Dùng thịt thú chết mà nuôi thân ta một điều rất hại

cho sự sinh tồn của bao nhiêu con người đứng trên thế gian này họ càng ngày càng tích trữ ô-uế vào mình, thật ra con người đâu có chết non chết yếu như vậy, chỉ vì họ tự tử dần dần với thịt mà thôi ».

Mới đây ông Đốc-Tử A-Hemmerdinger vừa là thực-sĩ chuyên môn về khoa vật-lý-học, vì thấy điều tai hại của sự ăn uống như thế mới nói rằng : « Một nước nào đổi cách thức ăn uống cho hợp với lẽ vệ-sinh và lẽ sinh-tồn của thân thể thì nước đó sẽ mạnh mẽ hùng cường hơn hết, không có nước nào sánh kịp. Thay đổi cách ăn uống lại cho hợp lẽ sinh tồn là cuộc cách-mạng to lớn hơn các cuộc cách mạng đã xảy ra trong thế giới ».

Bây giờ các ngài thử xem coi các nhà bác học cải cách sự ăn uống ra làm sao ? họ hô hào đừng ăn thịt cá nữa, họ lập lên nhiều hội ăn chay, có hàng vạn người ăn chay. Tại sao nhiều nhà bác-học lại hô hào ăn chay như thế ? vì họ đã thí nghiệm được như sau này :

1.) Hoa quả, rau cỏ là thứ ăn rất hợp với lục-phủ ngũ tạng của ta, rất hợp với bộ răng, dạ dày, ruột tá-máu ta ; nói tóm lại là tạo-hóa sinh thân thể của ta để ăn chay chứ không phải để ăn thịt. Nếu ta trái nghịch với luật tự nhiên của trời đất thì ta bị tai hại chẳng sai.

2.) Hoa quả, rau cỏ ta dùng hàng ngày không có chất gì độc cả, không có leucomaïne, ptomaïne, hay cadavérine như trong thịt.

Người ta ăn hoa-quả rau-cỏ thì có đủ chất đạm khi để nuôi thân ta, chứ không thừa để mà làm hại thân ta như ở trong thịt.

Hóa-học đã không tìm được chất độc trong hoa quả mà của ta thường dùng, lại tìm được toàn chất hồ

dưỡng cho máu huyết như rau dền; có chất làm nở bắp thịt, da thịt hồng hào, thân thể vạm vỡ nhưng không làm cho béo quá như là đậu phụ; có chất bổ cho não óc, như rau câu, đậu hòa-lan vân vân... Các nhà Bác-học đều công nhận rằng 1 Kilo đậu phụ bổ bằng ba Kilo thịt mà lại không có một tí độc nào cả.

3.) Khi ta ăn hoa-quả rau-cỏ, ta thấy còn lại bã, cái bã đó vào ruột mình làm thành một cây chổi, mỗi ngày có một cây chổi mới, quét sạch ruột mình, tống ra cả các thức nhơ bẩn, lại còn làm cho ruột vận động, khiến cho ta không bao giờ đi ngoài bị táo, như ta thường thấy trong khi ăn thịt vậy. Bệnh táo là một bệnh khó trị, tràn khắp thế giới, và là nguyên nhân của trăm nghìn bệnh khác. Nhờ ruột ta được thông hoạt như vậy, nên các nhà bác-học có thí nghiệm rằng 1 giọt nước trong ruột người ăn mặc tối đêm được 6, 7 triệu Vi-trùng, còn của người ăn chay thì chỉ có vài nghìn con.

Chẳng những hoa-quả rau-cỏ, giúp được vệ-sinh như thế mà thôi, nó lại còn là một món ăn giúp ta được trường-sinh nữa. Nếu ta không nấu nướng, đồ ăn còn sống, các chất nước ở trong rau, quả, củ đậu vân vân.. làm cho nhuận được các tế-bào của ngũ tạng lúc phôi, nhuận được cả thân thể làm cho con người được đẹp để khỏe mạnh nét mặt tươi cười, chứ không phải như thịt chỉ làm cho ta béo phì, chàm chạp, mặt mày đỏ gay như người ăn ớt. Thấy người béo phì mặt mày đỏ gay như thế, nhà y-học cho rằng người ấy bị bệnh và sẽ bị nhiều bệnh nguy hiểm khó chữa hơn nữa. Bởi vậy ta chớ có lấy làm lạ, khi ta thấy người đang được mặt mày béo phì đỏ gay, lăn đùng ra chết một cách bất ngờ; ta cũng chẳng còn lạ, khi ta thấy nhiều cụ già đẹp để phượng-phì, vì nhờ các cụ ấy đã bỏ thịt, ăn chay được mấy chục năm rồi.

Ấy là những điều hay của sự ăn chay, mà các nhà bác-học đã tìm ra được. Nhưng họ chưa chịu tin ở lý-trí đâu, họ còn đem ra đề kinh-nghiệm, thực-hành thêm nữa, rồi mới chịu công bố cho đời.

Trước hết họ nhìn chung quanh họ, xem người ăn chay mạnh khỏe thế nào.

- Họ thấy hạng người Bà-la-Môn ở Ấn-độ mạnh mẽ, đẹp đẽ thông minh, đứng đầu trong xứ, và cũng làm danh vang ở xứ ngoài. Hạng người Bà-la-môn không khi nào ăn thịt, từ cò chí kim.

- Họ thấy dân nhà quê ở Á-đông, không ăn thịt mà vẫn khỏe mạnh, làm việc rất siêng năng, ít đau ốm như các người ở thành thị có nhiều tiền, ăn được nhiều thịt cá.

- Họ thấy phu tàu ở Hồng-Kông, Thượng-Hải, mỗi người vác 2 bao gạo đầy, nặng cả trăm kilos, đi lên ba tầng lầu mà không biết mệt. Hỏi họ có ăn thịt không, họ trả lời : « Cả đời có tiền đâu mà ăn được thịt ».

Các nhà bác-học đã thấy thế rồi, họ lại còn thí nghiệm riêng nữa.

- Như ông Hills ở Blackwall là một chủ tàu lớn, ông cho các thợ thuyền trong xiềng ăn chay, họ làm việc tốt hơn, nhiều hơn và vui vẻ hơn lúc còn ăn mặn. Ông lập ra hội ăn chay to lớn nhất ở Kinh-thành Ấng-lê, có dạy cách nấu chay ; ông có lập ra hội Học-sinh nghèo ở, cũng ăn chay.

- Bên Mỹ, nhiều chủ xiềng to thí nghiệm như vậy ; họ chia bọn thợ ra hai bên, một bên ăn uống rượu thịt như thường, còn bên kia ăn chay, sáu tháng sau, họ thấy bên ăn chay vui vẻ, mạnh khỏe làm việc nhiều, ít đau ốm, không đòi tăng tiền lương như bên ăn mặn, bởi vì bên ăn mặn còn phải thêm tiền thuốc thang, tiền đau ốm, tiền rượu chè vắn vắn...

— Ông Irving-Fisher có thí nghiệm như vậy : Ông chọn lấy 50 người, một nửa cho ăn mặn và một nửa cho ăn chay. Được ít lâu, ông bắt mấy người đó thi với nhau như thế này :

a) Giơ thẳng hai tay ra, để y nguyên như thế coi được mấy phút.

Bên ăn mặn được 16 phút.

Bên ăn chay được 39 phút.

b) Co chơn vào ruỗi chơn ra coi được mấy lần.

Bên ăn mặn được 383 lần.

Bên ăn chay được 937 lần.

c) Nằm ngửa, giơ chân lên để chân xuống coi được mấy lần :

Bên ăn mặn 279 lần.

Bên ăn chay 288 lần.

Sau đó, còn biết bao nhiêu cuộc thí nghiệm nữa. Ta đề ý đến bà Yotyko người Nhật-bản dạy về khoa-học ở Đại-học-đường Bruxello, kinh đô nước Bỉ, bà có thí nghiệm trong mấy năm trời về sự thay đổi tốt đẹp trong thân thể của người ăn chay, và bà có làm nhiều sách rất có giá trị về ăn chay.

Đã biết ăn chay là tốt, đã thí nghiệm được đường hoàng, các nhà bác học mới đem cố gắng hiển cho đời sự tìm kiếm của mình. Họ dạy các nhà thể-thao bỏ thịt cá cho được mạnh-khỏe, nhanh-nhẹn và bền-sức hơn. Bởi vậy ta thấy các nhà chuyên môn đánh quyền đánh vật, muốn được vào Hội đề đi dương-danh ở ngoài thì trước hết phải bỏ thịt cá. Jack Dempsey người nước Mỹ là người đã giữ chức vô-địch hoàn cầu về môn đánh quyền, trong năm năm trời không ai giật nổi, có thuật lại rằng : Ông ăn thịt rất ít, nếu có đi đánh ở đâu thì vài tháng trước không bao giờ ăn đến thịt cá cả.

Năm 1935, trong lúc vận động ở Berlin mà ta thấy ở phim « Dieux du Stade » và « Jeunesse Olympique » có một nhà bác-học khảo-cứu về môn ăn của các lực-sĩ thì có kết luận rằng các người được đứng bậc nhất, bậc nhì phần nhiều có ăn trai trường cả, hoặc giả có người ăn thịt, thì ăn rất ít.

Thưa các ngài, đó là công cuộc tốt đẹp của các nhà Bác-học khảo cứu về sự ăn chay, còn như đức Phật-tổ như-lai dạy ta ăn chay thì thế nào? Đức Phật-tổ như-lai cũng dạy ta ăn chay như khoa-học, mà lại còn dạy thêm nữa. Ngài dạy rằng đừng nên ăn thịt vì trong thịt có điện xấu (mauvais magnétisme) nó làm cho con người giảm bớt thông minh, và có cản trở sự tiến hóa của linh-hồn.

Trong mỗi thứ ăn có hai thứ điện là : nội-điện và ngoại điện.

Nội điện là điện tự nhiên của nó, mỗi thứ thịt mỗi thứ điện khác nhau, và nhờ nội-điện đó mà người ta ăn vào, người ta sẽ biết ngay là thịt hay là thịt bò, thịt gà hay là thịt vịt, nội-điện đó không khi nào ta làm tan mất được, dù nấu thịt dù đến đâu người ta ăn cũng còn biết là thịt gì.

Còn ngoại điện sinh ra bởi :

a) điện của người làm thức ăn ấy.

Người làm bánh nếu đang khi làm mà tươi cười và vui vẻ thì ngoại điện của bánh rất tốt, còn nếu người đồ-tễ giết bò, giết lợn mà giận dữ thì ngoại điện của thịt rất xấu.

b) điện của người đầu bếp nấu ăn, người đầu bếp xấu thì ngoại điện xấu, người đầu bếp tốt thì ngoại điện tốt.

Ngoại-điện này người ta có thể dùng lực của tư-tưởng

mà phá tan đi được, chứ nội điện thì không bao giờ phá được.

Các nhà thôi-miền bây giờ cũng phải công nhận có điện của người, của thảo-mộc, của thú-cầm xà cũng có dùng thần lực của tư-tướng mà phá tan những luồng điện xấu.

Nếu ta ăn phải vật có điện xấu như là thịt cá, thì tất nhiên điện ấy sẽ làm xấu điện của thân thể ta. Nếu điện xấu vào rồi và một phen gắn chặt trong thân thể ta, thì ta sinh ra ốm đau mệt nhọc. Thân thể ta đã bị như thế rồi, thì thế nào cũng nảy ra đục-tinh xấu xa để bèn khó mà trừ khử được. Bởi vậy ta thấy các người ăn chay thường thường tinh tình vui vẻ, nhu mì, dễ thương, còn người ăn mặn thường có tính nóng dạn cục cằn. Mấy con thú ăn chay như trâu, bò ngựa vào vãn... thì có tính hiền từ nhẫn nại hơn các giống ăn thịt như loài hổ báo.

Thân thể ta bị điện xấu, không những tinh tình ta bị xấu mà thôi, tư tưởng ta cũng kém sự trong sạch thanh cao chính đính, trí tuệ của ta cũng kém sức thông minh nữa. Vì ác thân, tinh tình trí thức là ba phần rất liên lạc trong con người, nếu một phần xấu, thì những phần kia cũng phải xấu lây. Nếu tư tưởng của ta không chính đính, tinh tình của ta giận dữ, thì ta ăn ngủ không được, sinh ra đau ốm gây mòn.

Người học đạo ăn chay không phải vì muốn tránh được điện xấu của các thức ăn mặn mà thôi. Ăn chay cũng là muốn tránh cho bớt điều tội lỗi giết hại sinh linh để nuôi thân, gây ra quả báo rất nặng nề. Làm cho thêm khổ sở đời mình. Có người nói : người đồ tể giết lợn, tôi mua về, thặng nhỏ, con sen cắt cổ gà, chứ có phải tôi giết đâu mà tôi phải tội : nhưng tại mình mua, thì đồ tể mới giết, tại mình sai khiến, thặng nhỏ con sen mới

cắt cổ gà được. Tội người sai khiến còn nặng nề hơn tội người chỉ có vâng theo mệnh lệnh.

Ở đời này ai ai cũng có một gánh quả báo nặng hoẵng trên vai, người học đạo cũng vậy, quả báo mấy kiếp trước, nay phải cố tu thân để bỏ đi được tý nào hay tý ấy, chứ nào có dại gì mà chất chừa thêm quả báo vào mình. Vì vậy nên người học đạo không dưng tay vào việc sát sinh độc ác ấy.

Còn một lẽ này nữa, một lẽ xa-xa cao-thượng mà đức Phật thường căn dặn một lẽ rất trọng hệ, vì nếu ta hiểu được lẽ ấy với trí-tuệ lẫn cả tâm-hồn thì ta không khi nào còn giở đũa mà gắp miếng thịt nữa. Tôi nói với trí tuệ lẫn cả tâm-hồn, bởi vì có người hiểu với trí-tuệ mà không cảm động được đến tâm-hồn, thì cũng chưa thật hiểu được lẽ này.

Chư vị thiện-nam tín-nữ đủ thấy cảnh tượng ghê gớm của anh đồ tể chọc tiết lợn chưa? đập búa vào đầu trâu chưa? đóng đinh vào óc bò chưa? đổ nước sôi lên mình con dê; vừa đồ vừa cạo lông hay chưa?

Chư vị thiện-nam tín-nữ đã thấy con ếch gần chết quỳ lạy, con thỏ chấp tay, con trâu chảy nước mắt, con dê be be rên xiết đó chưa? Tôi thấy một con bò dụt giầy sứt mũi chạy cùng làng như điên như dại vì thấy bạn mình bị người ta đập đầu chết ngay dưới búa, trong khi người lo cỗ tiệc trong làng. Tôi thấy một con trâu ở lò sát sinh, năm ngoái, trước cảnh đau thương ghê tởm của các trâu khác bị giết đả ra hóa đại chày cùng trong thành phố Hanoi, lúc chết hơn hai mươi người và phải cần đến mười phát súng mới chịu ngã lăn ra mà chết. Chư thiện nam tín nữ thấy bao nhiêu đó cũng đã thương tâm không còn muốn ăn thịt nữa.

Chư vị thiện nam tín nữ đã thấy cảnh tượng đau thương của loài thú bị săn bắn chưa? đã thấy người săn bắn vui mừng hò hét trên cây con hươu đang khi quần

quại với nhân chết không ? Luôn đấp dầy tôi xin thuật lại một chuyện đi săn bắn mà tôi còn nhớ trong trí tôi từ thuở 'nhỏ đến giờ.

Lúc tôi còn nhỏ, có theo một người thiện-xạ đi săn trong đám rừng, cây to lớn, đi một đôi cung tên săn sang, chúng tôi thấy trên một cành cây đại thụ có hai vợ chồng con khỉ đang đùa giữa với một con khỉ con. Người thiện-xạ dương cung nhắm bắn, con khỉ dợc chột thấy mũi tên gần lia cung, hoảng hốt la lên, đưa con cho vợ, bảo mau ôm lấy nẩy vào rừng trốn tránh, còn mình vội phánh ngược ra để đỡ lấy tên ác độc kia, không để thì giờ chờ anh thiện-xạ nhắm bắn vợ con mình. Vừa nghe tiếng « vụt » tôi nhìn lên thấy con khỉ-cái bị cây tên trúng ngay cuống họng, nhưng còn cố bám chặt được cành cây, ôm con lơ lửng, chờ cho con dợc đến kịp mà cứu lấy con mình. Trước thế sự đau thương như vậy, con dợc cứu nhờ cây tên, hai tay ôm chặt lấy con thơ mà chui vào rừng sâu tị nạn... Đấy chứ vợ thiện-nam tin-nữ có thấy sự ác độc của loài người đối với thú vật hay không ? Đến đời ông Plutarque đời xưa có nói rằng : « các ngài nói bô báo la dữ, nhưng các ngài còn dữ hơn chúng nó nữa, bởi vì chúng nó cần giết con thú khác để mà sống, còn các ngài giết con thú vật không phải vì có cần dùng, mà vì muốn cho được lạ miệng, vì muốn theo sở dục của xác thân, và lại còn có khi vì cuộc vui chơi săn bắn nữa ».

Đến đây, tôi xin tóm tắt câu chuyện hôm nay lại như vậy : Ăn mặn tuy có bổ nhưng có hại cho thân thể và tinh thần, ăn chay rất hợp với lẽ vệ sinh và sự tiến-hóa của linh hồn. Sự đó chắc chắn như thế không ai cãi được. Người nào muốn ăn thịt thì chỉ có nói được như thế này mà thôi : « hôm tôi còn thèm thịt, và tôi chưa có đủ lòng nhân nên tôi còn ăn thịt ».

người tín đồ của Đức Từ-bi thì nói rằng : « vì tôi hiểu thấu lẽ tự-nhiên của trời đất, vì tôi nhờ lòng từ-bi của Đức Phật chơn chứa trong tâm, vì tôi yêu thương tha-vật nên tôi không thể nào ăn thịt chúng nó được nữa ».

Nam-mô A-di-Đà Phật

LỄ ĐẶT VIÊN ĐÁ TÀNG CHÙA TRÙNG-LÂM HUYỆN HẢI-HẬU

Chư-tăng huyện Hải-hậu, tỉnh Nam-định, được phép làm chùa Trùng-lâm Phật-học giảng-dường thư-viện, ở xứ thổ-bồ địa-phận Quận-phương bên tây Huyện-lỵ ước chừng 200 thước tây, lễ cử hành giờ ngọ ngày 23 tháng chạp Annam tức là ngày 14 tháng 2 năm 1939. Đám rước từ huyện Hải hậu, thật là long trọng, trước tiên rước Phật rồi khiêng hòn đá vuông mỗi chiều một thước Annam, trong hòn đá khắc chữ đỏ hiệu Phật-đân 2965 năm, giờ-ngày tháng năm Annam, cùng ngày tháng năm tây, có bốn chữ « tọa Quý hướng đinh » v... rồi đến tượng-tọa chư-tăng cùng vị Hòa-thượng đại-biêu là Bùi-xuân-Quế, rồi đến Quan Huyện Nguyễn-duy-Xân, năm ông chánh-tổng là : ông chánh-tổng Quận-phương, Nguyễn-vũ-Khuê, ông chánh-tổng Kiên-trung, Lâm-văn-Trữ, ông chánh-tổng Quế hải, Nguyễn-quang-Chiều, ông chánh-tổng Linh-mỹ, Nguyễn-văn-Hoàn, ông chánh-tổng Linh-nhất, Phan-văn-Đóa, rồi đến Hội-viên hội Phật-giáo, tăng ni, thân-hào tân cựu tổng lý, dân làng, thiện tín chấp tay đi sau niệם Phật dâm dân, rước đến chốn vườn ruộng ấy ước chừng ba mẫu, đặt một chiếc long đình thờ ảnh Phật, che một cái màn, cờ lọng dõng chật, rồi Quan Huyện làm lễ quý khấn, vị hòa-thượng, đại-biêu đọc chúc văn, chư-tăng cùng năm ông Chánh-tổng thân-hào, hương-lý, hội Phật-giáo làm lễ đóng đủ rồi Quan Huyện đặt hòn đá xuống ruộng chốn làm chùa. Xong lại rước về thật là vui vẻ.

Bản báo xin cầu cho chùa Trùng-lâm, huyện Hải hậu chóng được viên-thành quả-phủ.

QUÍ TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VI
CÔNG ĐỨC ĐÃ CÙNG VÀO VIỆC LÀM CHỮA
TRUNG - ƯƠNG

M. Vũ đình Lâm P. T. T. Bắc giang	1\$00
Mme Hoàng cơ Bính, Rue Nghĩa long Bắc giang	1.00
Mme Đào thị Trạch, rue Thọ-xương Bắc giang	1\$00
Mme Ngô văn Nhã, rue de la pagode Bắc giang	2 00
Mme Đặng trần Hà, rue Nghĩa long Bắc giang	2.00
Ba bà vô danh,	0.40
Mme Mẫn, 7 Thịnh đức Hanoi	0 50
Mme Nam Thành, 406 Quai clémenceau Hanoi	2.00
Vô danh	0.50
Nguyễn van Y	0 20
M. Nguyễn tập Huân. Hanoi	1.50
Mme Đỗ thị Nhã, 261 Bạch mai Hanoi	5.00
Vô danh	0.50
Vô danh	0.50
M. Chu van Can, 54 Route mandarine Hanoi	0.50
M. Đức Lâm 54, hàng lọng Hanoi	2.00
M. Nguyễn đình Dư, 49 Nam ngư Hanoi	1.00
M. Ngô thị Nam, 30 Nam ngư Hanoi	1.00
M. Vĩnh Tiến, 30 cửa Nam Hanoi	2.00
Mme Nguyễn thị Trục, 20 Hàng dẫy Hanoi	2.00
Mme Vĩnh an, 34 hàng Cân Hanoi	10.00
Một vị ở số nhà 25 Phố nhà hỏa cúng	0.50

(còn nữa)

TÂY - VỰC KỶ

Vua nói : Pháp-sư xuất-gia, khác hẳn người thường, lai hay liễu mạng cầu pháp, làm lợi cho thương sinh, trăm rất khen phục, chớ có ngại chi. Nhưng non sông cách trở, phong tục khác xa, pháp-sư làm thế nào mà tới được ?

Pháp-sư nói : Huyền-trang nghe cưỡi cơn gió lốc, lên thiên-chì nào có bao xa ; thả chiếc thuyền rồng, qua sông bể chẳng hề có khó. Từ khi bệ-hạ lên giữ mỗi kiền cương, bốn bề thanh bình, đức hàm chín cõi, gió thuận lương thời khắp phương nam ; oai thánh tri nhưc ngoài thông-lĩnh, vì thế nên vua chúa mất rợ, còn ngỡ là từ nơi Thượng-quốc bay đến mà khiếp nép kính sợ, huống chi Huyền-trang là kẻ đầu tròn áo vuông, được bản-thừa cái ơn hóa-dục ư ? đã nhờ oai trời như thế, cho nên đi lại không có khó khăn gì vậy.

Vua nói : đó là lời nhân-hậu của pháp-sư, trăm đầu dám đương. Đoạn vua lại hỏi đến phong-cảnh, nhân-vật, hình thế, phong tục bên tây-vực, Pháp-sư trả lời rành rẽ từng điều, vua lấy làm vui lòng lắm, mới bảo các quan hầu rằng : Xưa kia vua Phù-kiên khen ngài Đạo-an là thần khí, cả triều đều tôn, nay trăm xem Pháp-sư lời bàn diễn-nhiã, khí tiết kiên-trinh, không những không thẹn với cổ-nhân mà lại có phần hơn nữa. Khi đó trước Triệu-quốc-công là Trưng-tôu vô-khí thưa rằng : Đùng như thánh-chí, thần thường đọc sách Tấn-quốc-xuân-thu, thấy chép chuyện ngài Đạo-an, thực là một vị tăng hạnh cao học rộng.

Nhưng lúc đó Phật-pháp mới truyền lại, kinh sách chưa đủ, tuy có công đức mãi, cũng chỉ là thấy được chỗ ngọn ngành, không thể bị mấy Pháp-sư, thần tới cõi Phật, tìm đến tận nguồn mọi pháp màu-nhiệm, xét đến tận nơi linh-tịch niết-bàn vậy.

Vua phán rằng : Lời khanh nói rất phải đó.

Đoạn vua lại bảo Pháp-sư rằng : Nước Phật xa xôi, linh

lịch kỳ lạ, sử sách xưa nay, chưa từng chép rõ, Pháp-sư đã thân tới nơi, nên sửa một bộ, cho đời biết những chỗ chưa từng biết qua. Vua lại xét thấy Pháp-sư có tài đáng làm lễ-tướng, mới khuyên Pháp-sư hoàn-tục, để giúp việc triều-đình.

Pháp-sư tạ rằng : Huyền-trang từ nhỏ đã vào trong cửa thuyên theo phép Phật, chỉ tập cơ-buyn, chưa từng Khổng-giáo, nay cho theo tục, thực không khác gì cái thuyên đang bơi trên mặt nước mà sách lên trên cạn, không những không có công gì mà lại chông nát nữa, nguyện xin trọn đời làm đạo, để báo ơn nước, thì thực là may lắm. Vua cố ép, Pháp-sư cố từ, mãi mới thôi.

Bấy giờ vua đang định đi hỏi tội rợ Liêu-tán, binh lính trong thiên hạ, đã họp cả ở Lạc-kinh, việc quản voi vàng như thế ; mà nghe thấy Pháp-sư vào triều, vua định hỏi qua mấy câu rồi thôi, mà nghe lời than-dàm của Pháp-sư, càng lâu càng thích, bất giác đến lúc mặt trời đã xế mà vẫn chưa tan.

Quan Triệu-quốc-công Tràng-tôn vô-kỵ vào cúi xin mời Pháp-sư sang Hồng-ló tự nghĩ, kéo tới không kịp việc.

Vua nói : voi vàng nói chưa hết ý, trăm muốn cùng với Pháp-sư cùng đi sang đông-phương, trước là xem xét phong tục, sau là khi giảnh việc quản, có thể ban bạc mọi lễ, chả hay ý Pháp-sư thế nào ? Pháp-sư tạ rằng : Huyền-chang vừa đi xa về, lại đang có bệnh, sợ không kham chuy-tùy hộ-giá được.

Vua nói : Pháp-sư một mình, đi khắp các cõi trệt mù còn được, huống chi đi sang vùng đây, cũng như ở góc châu, có chi mà đáng từ.

Pháp-sư thưa rằng : Bệ hạ đông-chinh, sáu-quân vàng lệnh, đánh nước loạn giết tặc, thân đó là cái võ công oanh-liệt. Huyền-chang tự nghĩ có đi cũng chả ích gì, mà lại phí tiền tiền lương, càng thêm tử thọ, gia gi

những việc binh-nhung chiến-chận, trong luật Phật cấm không được xem. Lời Phật đã giậy, dam chẳng kinh vàng, cùi xin bệ hạ rộng dong tuớ cho, thợ là may cho Huyền-chang lắm lắm. Vua nghe nói khen phải mới thôi. Pháp-sur lại tâu rằng: Huyền-chang sang Tây vực, có kiếm được hơn sáu trăm bộ kinh chữ Phạm chưa dịch một chữ nào, nay có biết ở núi Thiếu-thất ở phía nam núi Tung-nhạc có một ngôi chùa gọi là chùa Tiểu lam, là một nơi lắm-tuyền tĩnh tịch, lại là chỗ ngài Bồ-đề lưu chỉ ngày xưa dịch kinh ở đấy, nay Huyền-chang cũng muốn đến đó mà dịch kinh, cùi xin bệ hạ chuẩn cho.

Vua nói: Pháp-sur không cần phải đi xa như thế, từ khi Pháp-sur đi rồi, trăm đã vắng chỉ Mục-thái-hậu sửa lại chùa Hồng-phúc, có đủ thuyêo-đường thuyêo viện, rất là tĩnh tịch nhàn nhã Pháp-sur cứ tới mà dịch kinh là hơn. Pháp-sur vắng chỉ Vua lại sắc cho quan tướng-quốc là Phòng-huyền-linh cung cấp hết thầy mọi sự. Từ đó Pháp-sur cứ ở yên ở chùa Hoảng-phúc mà sắp-đặt công việc phiên dịch kinh diên.

Pháp-sur lại thông cáo khắp các tùng-lâm, tuyên được 12 vị cao-tăng đại-đức để tham-dự vào việc dịch kinh. Đến năm đinh-mão, Pháp-sur mới bắt đầu đem các bản kinh là bối, tuyên đọc Phạm-văn, diễn ra chữ Hán, rồi người thì chép ra, người thì cân nhắc câu văn, so sánh âm-hương, thảo luận kỹ càng rồi mới tinh-tá làm chính bản.

Bắt đầu dịch bộ Bồ-tát-tạng kinh, kể dịch đến Hiền-dương thàng-giáo luận, ròng rã hết một năm, thàng riêng sang năm mới khai dịch Du-già sư-địa- luận vừa 100 quyển. Pháp-sur dịch xong, có làm biểu đệ trình vua xem. Vua hỏi rằng Bộ Du-già rất lớn là của bậc đại thánh nào làm ra, trong đó giảng về lẽ gì? Pháp-sur đáp rằng. Bộ luận ấy là của ngài Di-lặc bồ-tát nói ra, trong đó giảng rõ các nghĩa thập-thất-địa.

truyền bản về tâm tính và phương pháp tu hành cho đến chứng thành Phật quả.

Vua nghe đoạn lấy làm thích lắm. mới sai sứ-giã đến chùa đem kinh lại xem. Vua xem đi xem lại thấy lời lẽ cao xa thực là những lời chưa từng được nghe bao giờ, mới than thở bảo các quan Lưu rằng: Trẫm xem kinh Phật, cũng như nhìn trời coi bể, không thể lường được cao sâu là chừng nào. Pháp-sư bay sang cõi Phật, tìm được pháp môn, trẫm vì việc nước bề bộn, không kịp xuy cầu về đạo Phật nay được xem đến, mới biết là bất cái mệnh mông, không lường bờ bến, đối với như-đạo cứu-lưu, thực chẳng khác gì cái ao sánh với cái bể vậy. Thế mà đời cứ nói rằng tam-giáo cùng như nhau, thực là một lời bán sảng vậy. Phán rồi liền giao cho quan hữu-tư kén nhiều tay thư-lại sao các kinh luận mới dịch, cho cả chín châu cùng được nghe biết cái nghĩa lý chưa từng được nghe. Bấy giờ ông Tráng-tôn vô-kỵ tâu rằng: Bệ hạ cao minh, thông suốt nghĩa huyền bí, xin ban cho một bài tựa cho chúng sinh biết đường quy-y. Vua chuẩn lời liền cầm bút viết luôn, một lát đã xong, uhu là Đại-dương tam-tạng thánh-giáo tự, cộng 781 chữ, sắc cho đề vào đầu kinh.

*VIII. — Từ lúc giảng đạo bát chính
cho vua nghe đến lúc viên tịch*

Khi vua đi đông-chinh về, dầm mưa giãi nắng, sức lực kém xưa, đã lo không được lâu dài. Nhưng về gặp Pháp-sư, được nghe đạo bát-chính, hiểu lý ngũ-thừa, thì sức lực lại dần dần bình phục như xưa, nhân mới hỏi Pháp-sư rằng: « Muốn gây công đức, thì làm việc gì là có ích hơn cả ? »

則流膿流血。污穢則薰地薰天。炮黑不堪觀。痧青真
可惡。不論貧富。同入死亡。或藏於室。則蠱出腐生。或
棄於路。則鴉飡犬食。世人皆掩鼻而過。孝子反藁裡
以藏。拾骨收骸。掩骼埋胔。棺斂付一星野火。土堆墓
十一
萬里荒山。昔時綠鬢朱顏。今日青灰白骨。淚雨灑時
雲。慘慘悲風動。處月微微。夜闌則鬼哭神愁。歲久則
牛殘馬踐。熒火照開青草裡。蛩聲吟斷白楊梢。碑銘
半沒鎖青苔。樵牧踏穿成蹊徑。任是文章蓋世。縱饒
才貌傾城。到頭豈有異途。徹底也同一著。眼被色牽

歸劍樹耳。隨聲引上刀山。鼻頭嗅著臭煙腥。舌裡喫
來鐵丸熱。身怯洋銅俱灌溉。意酸火鑊每交煎。人間
歷盡百春秋。獄內方爲一晝夜。若是作家具眼。直須
早急回觀。翻身跳出生死窠。彈指裂開恩愛網。縱爾
男縱爾女。總是堪修。任渠智。任渠愚。盡皆有分。若未
達佛心祖意。且先懃持戒念經。及佛亦非。祖亦非。則
戒何持。經何念。居幻色亦名真色。處凡身也是法身。
破六賊爲六神通。遊八苦作八自在。雖言怎麼。而人
人既入這色身裡。去也是難難。諸人等。祇這色身。又

KHÓA HƯ GIẢNG YẾU

TAM SƠN

Tam sơn giả bệnh tướng già. Niên đang lưng lão, bệnh nhiễm cao hoang. Tử chi quyện nhi mạch lạc nan thông, bách tiết nọa nhi hàn ôn mĩ thuận. Táng quyết chân thường chi tính, thất kỉ điều sùng chi nguyên. Khởi tọa gian tân, khâu nhân thống khổ. Mệnh nhược phong tiền chi chúc, thân như thủy thượng chi âu, Tâm sinh ám quĩ đầu đầu, nhân kiến không hoa đoá đoá. Hình hải suy liệt, thủy vi Biền-thước chi y; Thề mạo suy vi, thực thị Lu-nhân chi cứu. Thiên hữu đồ lao tính thị, đệ huynh không tự phủ trí. Trầm kha lữ nguyệt nhi phát sự, phục trầm kinh tuần nhi vị sãi. Nhân chi bệnh tướng, tuế nãi thu thời. Thích nghiêm sùng thủy dáng chi thời, giới chúng hủy câu phi chi hậu. Mật làm mạo thụ, kim hoan nhất phiến kỉ phủ sơ ; Thanh chướng thúy phong. ngọc lộ sơ thủy tăng lãng lạc.

KỆ VIẾT :

Âm dương khiên đức bản tương nhân,

Biến tác tai chuẩn cập thể nhân.

Hại đề hữu thân phương hữu bệnh,

Nhược hoàn vô bệnh diệt vô thân.

Linh đan mạn sá tràng sinh thuật,

Lương dược nan linh bất tử xuân.

Tảo nguyện viễn ly ma cảnh giới,

Hồi tâm hướng đạo dưỡng thiên chân.

TỪNG NÚI THỨ BA

Từng núi thứ ba, ví như tướng bệnh đó. Tuổi đã đến cõi già cả, bệnh ngày thêm thấy nặng nề. Chân tay mỗi một mà mạch lạc khó thông, sùng cốt yếu mềm mà nực rét không thích. Sai cả cái tính chân thường, mất hết cái nguồn thư sùng. Đứng ngồi khó nhọc, cơ ruỗi đau ê. Mệnh như ngọn đèn trước gió, thân như bọt nổi mặt sông. Tâm sinh ma quĩ mơ màng, mắt quang hoa không lấp lánh. Hình hải gãy yếu, ai là Biền-thước chữa cho ; Sức vóc suy vi, ai là Lu-nhân cứu

được. Bạn bè luống công thăm viếng, anh em nhọc sức phù trì, ốm nặng thì hàng tháng chưa lui, cảm soàng cũng hàng tuần chưa bớt. Tướng bệnh người đó, ví như mùa thu, Vừa buổi sương ghè mới xuống, tới kì hoa cỏ đều tàn. Cây xanh rừng rậm, gió vàng một chận thấy lơ thơ; Ngàn biển non xanh, mớc ngọt vừa sa thêm lạnh lẽo.

KỆ RẰNG :

✕ Âm dương tội phúc lẽ xoay vần,
 Và tới người đời bởi nghiệp nhân
 Đại khái có thân thì có bệnh;
 Nếu mà không bệnh cũng không thân.
 Linh-dơn nào thấy ai còn mãi,
 Thành thuốc rồi xem cũng hết xuân.
 Sớm nguyện lánh xa cõi ma quỷ,
 Quay về chí đạo dưỡng thiên-chân.

(Đại ý đoạn này nói rõ cái tướng ốm của người ta. Khi người ta đã đến tuổi già, thì khí huyết suy tòn, tinh lực yếu mòn, chân tay mỏi mệt, sương cốt lỏng lẽo, chưa nực đã nực, chưa rét đã rét, mắt cả cái tinh thường, mắt hết cái thú sướng, đứng ngồi vất vả, cơ thể đau ê, tinh mệnh mỏng manh, như ngọn đèn trước gió, như cái bọt mặt nước. Trong lòng hoảng hốt, cơn mắt mơ màng, dù có thánh thuốc như ông Lư ông biên, cũng không chữa được, bè bạn thăm viếng, anh em phù trì, cũng là hũo cả, bệnh nặng thì hàng tháng chưa khỏi, cảm soàng cũng hàng tuần chưa bớt, cái thân ốm yếu, y như hoa cỏ, sương mùa sương lạnh lẽo, y như lá cây, bị gió vàng thổi rụng, thể mới biết âm dương bất hòa, làm cho đau ốm, mà suy đến cõi nguồn, thì đều bởi nghiệp nhân mình đã gây lên từ trước, nên mới phải chịu có cái thân, đã có cái thân tất phải có bệnh, nếu muốn không có bệnh thì phải làm sao cho không phải chịu cái thân nữa mới được. Nếu biết rõ ràng dù bài thuốc hay đến đâu, cũng không thể làm cho người ta trẻ mãi không già không ốm không chết được, vậy phải sớm sớm sa lìa cái cảnh trần ma quỷ này đi mà hồi tâm tới đạo mà nuôi lấy cái chân tính của mình mới được.

Giải đáp những câu hỏi của
một vị độc báo Đuộc-Tuệ
(tiếp theo và hết)

Trái lại xét trong chín con số ấy, tôi không thấy một con nào khác cả, chín con số 9 rành rành tôi không tìm thấy một nguyên-nhân gì để làm chứng thực cho con số 72 kia là chân-tướng được, thì tôi mới chịu là tôi lầm và cái số 72 là vọng-tướng.

Nay tôi đã chịu là tôi lầm và số 72 là vọng-tướng, thế mà ông lại buộc tôi phải tìm cho ra cái nguyên-nhân sinh ra nó, thì vô lý.

Bởi vì đã có nguyên-nhân sinh ra, thì không khi nào tôi chịu là tôi lầm, tôi vọng, chỉ vì không có nguyên-nhân sinh ra, cho nên tôi mới chịu là tôi lầm tôi vọng mà thôi.

Phật nói rằng : chẳng có chi sinh ra vô-minh nghĩa là thế. Vô minh là coi mê lầm, cái tướng hư-vọng, không có nguyên-nhân nào sinh ra nó cả.

Lại như ông với tôi ngồi đàm đạo cùng nhau đây, tôi trông ra cửa sổ, nói với ông rằng : « Kia ông coi, núi sông đang chạy ãm ãm ». Ông hỏi lại rằng : « Bởi nguyên-nhân gì sinh ra núi chạy ? » Tôi chưa kịp nói, bỗng mấy người đồng-hành trên xe lửa với ta, trả lời rằng : « nguyên-nhân sinh ra núi chạy, ấy là xe lửa chạy » ý ông cho là đúng chăng. Ý tôi thì cho là núi chạy không có nguyên-nhân chi cả. Tôi tự giác ngộ là chỉ có núi đứng yên, chằng hề có núi chạy bao giờ. Núi chạy đã chằng phải là có thực, thì còn làm gì có nguyên-nhân sinh ra cái núi chạy ấy mà phải cố tìm.

Nhưng mà lấy nhỡn thực mà coi, thì phạm ai đồng phạm với ta ngồi trên xe lửa, đều trông thấy núi chạy cả lấy chân-trí mà tự giác thì mới trông thấy núi đứng yên.

Nay đã hiểu rõ núi-chạy là vô-minh vọng-tướng, chằng

phải là có thực thì biết rằng chẳng có cái chi sinh ra nó cả, không còn hồ nghi nữa. Vậy chi còn sét xem lại sao nhỡn-thức chúng ta lại trông thấy núi chạy. Xe hỏa chạy nhanh... chạy nhanh qua, nhỡn-thức chậm nhìn chẳng kịp, làm cho nhỡn-thức phải biến chuyển cái hình núi đứng yên, tra-niệm ra hình núi chạy. rồi ý-thức cũng theo mà nhận là núi chạy. Cái hình núi đứng yên tức là cái thực-tướng chân-như của ta nó như - như bất Động. Cái hình núi chạy tức là cái vô-minh vọng-tướng của vũ trụ vật-hữu, nó biến-diệt vô-thường. Chúng ta và bạn đồng hành ngồi trên xe lửa, bị nó kéo đi mau quá, rồi nhãn-thức của ta nhìn chẳng kịp, phải biến chuyển cái chân tướng núi đứng yên, hóa ra cái vọng-tướng núi-chạy, đó là si mê về sự tướng thì ai cũng rõ. Đến như chúng-sanh và bạn đồng-phận ở thế gian này, thì có bị cái chi nó kéo đi chẳng, mà nhãn thức của chúng-sanh phải biến chuyển cái thực tướng như như bất-động, huyền hóa ra cái vọng-tướng vũ-trụ biến diệt vô-thường? Tất nhiên phải có một cái chi nó chột buộc chúng-sinh vào nó, rồi nó lôi kéo đi mau hơn xe lửa. Ấy chính là cái vô-minh nghiệp thức. Chúng sanh còn si mê về linh lý, tự mình còn bám mãi vào nghiệp-thức để nó lôi đi như thác chảy, thì còn trông thấy cái vọng tướng vũ-trụ xoay vần mãi mãi, như người còn ngồi trên xe-lửa, còn thấy núi chạy hoai, Chỉ có Phật Bồ tát dùng công phu tu học lâu đời, xa lìa nghiệp thức, như người bỏ xe-lửa xuống đường ở bên đường, không còn thấy núi chạy nữa, thì mới chứng được thực tướng chân-như. Người tu học bồ-tát-thừa, tuy chưa chứng ngộ được hiện-thân này cùng với bạn đồng phận ngồi trong xe lửa nghiệp-thức vô-minh, ngộ thấy vũ trụ xoay vần như núi chạy, mà vẫn tự giác được cái thực-tướng như-như bất-động của thế gian, chẳng còn mê tu cái hình núi chạy kia ta có thực chẳng còn mơ tưởng cái nguyên nhân sanh ra nó, là cái "mây huyền vi tạo hóa" chi chi. Kinh Phật nói

rằng: « Ung quan pháp-giới tính, nhất thiết duy tâm tạo » 觀法界性 一切惟心造

(Hãy coi tính pháp-giới. cái chi cũng bởi tâm mình tạo ra) Nghĩa là tất cả những cái hình trạng của Pháp-giới (vũ trụ), thật mắt chúng ta thấy kia, đều là hình trạng bởi tâm chúng ta tạo ra cả.

Những cái hình trạng ấy nó huyền-hóa xoay vần luôn luôn. đều là tự thức tâm mình tạo ra, tự mắt mình lại trông thấy, tự ý mình cố chấp là **có-thực**. Thực ra, thì cái tính chân như pháp-giới **có**, xoay vần đều.

Đã si-mê mà nhận hình trạng ảo-hóa ấy là **có-thực**, rồi lại kể-chấp phân biệt ra cái hình này đẹp, cái trạng kia xấu, cái hay, cái dở, cái lớn, cái nhỏ, cái mạnh, cái yếu, cái vắn, cái già vắn vắn... nên mới khởi ra tham muốn cái này, ghét bỏ cái kia, rồi chạnh giành nhau từng ly từng tý cho kỳ được; không được, thì sinh ra sân hận, cãi nhau đánh nhau, hại nhau, thù nhau, đời đời kiếp kiếp, mãi mãi không thôi. Thế là chúng sinh, sống mơ chết ngủ trong cái cảnh đêm trường vô hạn.

Tuy rằng ta vắn mê chấp cảnh tượng huyền hóa kia cho là **thực** tất cả, những ta vắn có một chút tri-tuệ để tự-giác là **không thực**. Chỉ vì ta tập nhiễm lâu đời đã thành tật, nên ta không đủ nghị-lực, mà biết sám-hối, và giám thừa nhận là ta chót đã chấp-mê. Vậy phải theo phép Phất mà tu luyện cho cái trí quang Bát nhã của ta sớm thực hiện ra, soi thấy năm uẩn đều không, thì ta mới tự độ thoát được mọi nỗi khổ-ách, trong cái vòng vô-minh nghiệp thức sinh tử luân-hồi.

Lúc này, tam thiên thế-giới, lục đạo chúng sinh, đang mơ màng trong giấc « vô minh trạng giả », mong chủ tiền nào giấy sớm, lên chùa, khuu mấy tiếng chuông cảnh tỉnh cho nhau!

CUỒNG-YẾT

Cô con gái Phật hái dâu
(TRUYỆN BÀ Ỗ-LAN. PHẬT HÓA
LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT)

I. — Nếp nhà phúc hậu

Đất Kinh Bắc-ninh, có núi Ngũ-hành, có sông Tam-đức, khí thiêng nung-đúc, từ xưa đời đời sản-xuất biết bao người hay, làm vẻ vang cho đất nước. Không những võ-nhân cứu quốc, núi Sóc-sơn còn đẻ đầu họ-đồng; không những hùng chủ khai-cơ, đền Đình-láng còn lưu danh Bát-đế. Mà đến bên nữ-lưu cũng thường có những người xuất-chúng.

Ai đã đi qua đến làng Siêu-loại, huyện Gia-lâm, phủ thuộ-thành, Bắc-ninh, tất phải ngắm nghĩ đến cái tên, cái tên làng sao lại gọi là « siêu-loại » nghĩa là vượt hơn cả đồng loại, là tốt vời tuyệt thế kia mà. Biết đến gốc-tích cái tên khác thường ấy tất ai cũng phải tìm vào giếng nơi cảnh chùa, cảnh đình của làng Siêu-loại mà ngường mộ đến dấu thơm trên nữ-sử nghìn xưa.

Thưa các Ngài độc giả, nguyên làng ấy, trước kia vốn đeo một cái tên que-kạch là « Thổ-lỗi », sau vì có một người con gái trong làng nhân giải-cầu gặp một ông vua Anh-chủ về qua làng mà kết nên mối duyên hương lửa, giúp nên sự nghiệp phi-thường « Yêu hoa thì dấu đến cây », lẽ tất-nhiên như thế Ông vua ấy yêu cô về sắc, trọng cô về nết và phúc cô về tài, cất cô lên ngôi Thai-phi rồi vì cô mà đổi cái tên « Thổ-lỗi » sáu-xi (đồng đất) trước đi, và thay vào cho cái tên mới « Siêu-loại » tốt đẹp này.

Cô con gái nhà quê mà có đức có tài có cái duyên rỗng may kỳ-ngộ ấy nào có phải là ai, chính là Bà Ỗ-lan, một vị nữ-kiệt danh giá trên lịch-sử Đại-Việt đó. Chính là « cô con gái Phật hái dâu », một người chủ động trong bộ lịch-sử tiểu-thuyết Phật hóa mà tôi sẽ lần

trượt phổ-diễn ra để cống-hiến các Ngài đó.

Ngôi chùa làng Siêu-loại, tên là chùa Linh-nhân, nơi danh-lam từ trước đời nhà Lý, nơi đã cảm hóa nên cái tâm-hồn từ-bi, tri-tuệ cho Bà Ý-lan, nơi đã tạo nên cuộc nhân-duyên hạnh-phúc cho một đời Bà Ý-lan vậy. Còn ngôi đình làng Siêu-loại kia thì là nơi bản-buơng thờ Bà Ý-lan làm Thành-hoang.

Vườn xuân còn dấu danh hoa,

Đình thần bên nớ, thiền già bên nì.

Đứng trước nơi dấu thơm thiền-cổ, chúng ta không khỏi nhớ miến đến sự-nghiệp của liên-nhân. Vậy muốn biết đến thân-thể, sự-nghiệp của một đời Bà Ý-lan, tôi xin thuật đề các Ngài đọc-giả biết trước về gia-thế và số-phận Bà Ý-lan thừa tuổi nhỏ.

..

Một buổi chiều cuối mùa xuân, trời thanh gló mát, cây cỏ đua tươi, trong một ngôi nhà ở làng Thổ-lỗi kia, nhà tuy trông ra vẻ thế-gia mà thuần một vị nhô-phong nhen-nếp. Nghĩa là cũng nhà ngói cửa ngõn, cũng tường hoa sân gạch, cũng bề thả cá vàng, trau trồng cây quí, trong nhà trên một vài hoành-phi, câu đối sơn thếp, người ta trông thấy có những chữ thể đức hay là gia thanh, tỏ ra là một nhà giông-giỏi. Thế nhưng nhận kỹ ra thì những nhà cửa, đồ đạc ấy đều là của từ đời trước để lại cả chữ không phải là mới xắm. Lúc ấy trước hiên nhà trên và gian bên, một bà chủ-phu trạc tuổi trung niên, đẹp đẽ tâm thườc, da trắng tóc dài mặc ngoài một cái áo xuyên hoa màu thâm trầm, ngồi quay mặt vào đang mài-miết đánh xuất cho những cái ống tơ vàng quay tít.

Về mé tay phải bà ấy ngồi, một cô bé độ mười tuổi, ngồi trông ra trên cái ghế bành-tượng gỗ mun trạm đen bóng. Cô bé tóc đen nhánh bỏ sũa loi-thoi trắm ngang

vai, da trắng nõn mà hồng hồng, môi đỏ và tươi như
 đóa hải-dương sắp nở. Cô bé mặc bộ áo mớ ba là mớ
 áo phụ-nữ nhà sang-trọng ngày xưa thường mặc, cái áo
 phủ ngoài nhất là cái áo vân mẫu hồng thắm, cò đeo
 cái vòng bạc rộng và to cũng là lối vòng của con
 nhà sang đeo thừa trước, chân hồng hồng nửa chừng gập,
 lộ ra hai cò chân trắng và tròn rất ăn màu với đôi
 vòng chân bằng bạc sáng quắc. Với cái gương mặt
 một cô gái nhỏ còn thơ ngây, đôi mắt sáng quắc phần
 biệt lông đen lông trắng lấp lánh ở dưới cái trán phẳng,
 rộng và trắng tinh, đủ tỏ ra là một cô gái - sinh tươi
 có duyên, thông-tuệ và nhân-từ. Cô bé hai tay cầm quyển
 sách nho giờ ra đọc to-tát cho bà ấy nghe. Cái tiếng
 đọc sách rõ ràng từng chữ mà trong-trẻo ấm-ấm với
 cái miệng lấp bắp vui vẻ, sinh sản của cô bé khiến cho
 bà ấy đề cả tâm hồn vào mà nhìn mà nghe, tỏ ra vẻ
 sung-sướng vô cùng. Vừa sung sướng vô-cùng mà cũng
 vừa lo canh-cánh bên lòng vì thấy cô bé ngày càng lờ-
 lờ ra những vẻ đã đẹp người lại ngoan nết, nhất là
 hôm nay cả đám hội ngoài chùa ai trông thấy cô bé
 cũng phải khen lao, súm nhau vào mà xem rồi nói vuơ
 với nhau : « Gớm cô bé đâu mà tươi tốt, ngoan hiền
 chẳng khác gì pho tượng ngọc nữ đang Trầu Phật
 trên Tam-bảo ». Theo tục nhà hiem hoi ngày xưa bà
 ấy cho những lời người ta khen như thế là « quả-quang »,
 nên bà lấy làm lo hơn là lấy làm mừng.

Cô bé đọc sách đang vui, một cơn gió đông trước sân
 lướt qua giàn hoa thiên-lý đưa vào một mùi hương
 thơm mát nhẹ nhàng, làm khoan-khoái đến cả tâm-can
 mọi người. Bà ấy bỗng buông cái tay đang quay ống
 xuất đứng lên ra chỗ ghế bành tượng giờ tay giắt cô bé
 đứng xuống đất, đoạn bà ngồi xuống ghế rồi lại cầm
 tay cô bé kéo cô lên lòng, cô bé giơ hai tay, tay phải
 còn cầm cả quyển sách, ôm quanh lấy cổ bà mà nép
 một má áp vào ngực bà một cách rất yêu ấm như con
 gà con được mẹ nó ấp ủ. (còn nữa)

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Việc biểu tình xin bãi vôi thú thuế tại Hải-phong

Ngày 30 Jui, hồi 9 giờ tại Hải-phong có hơn 400 người họp biểu tình gần dinh Đốc-ly. Họ biểu tình ấy cầu thanh phủ bãi cho những thuế cư-trú, thuế đèn và thuế nước, thì 60 người bị bắt giam tại sở mật-tham trong số có 18 người đàn bà.

Đào sáu chôn chết đã mười ngày mà xác lại còn về

Ở Chợ-lớn, Nam-kỳ vừa đây xảy ra một việc rất tởm cho cai óc bọn mê tín. Số là tên Nhứt, một tin-dồ đạo Cao-đài ở làng An-trạch, cái làng của mấy ông sung danh Nguyễn-soài phương luôn diên trận với nhau về việc đạo độ trước, Nhứt chết chôn đã 10 ngày, bỗng thấy cái xác thối-tha về nằm ở nhà tên Lợi, hàng xóm và đồng đạo. Xác nằm ở dưới ban thờ thành đạo Cao-đài. Người ta thấy xác Nhứt mặc áo vàng y như lúc liệm bỏ ao quan. Người nhà Lợi hồ-hoán, sớm làng kéo đến xem đông, hỏi thối gớm ghê quá, người ta phải kiêng bỏ ra vườn mà đi trình làng. Rồi các quan tỉnh nhà báo về khám, ra xem chỗ mà chôn Nhứt thì còn nguyên phong. Đào lên mở ván ra, đồ khâm liệm còn nguyên mà xác mất. Hỏi ra thì nhà Nhứt nói lúc liệm xác Nhứt rồi bỏ vào ván có đòng danh và bán lẻ sắt rất chặt, lại chôn sâu lắm. Có 6 người là bọn tên Tưai giúp việc liệm và chôn. Lại hỏi ra thì tên Nhứt, một trong phái của các Nguyễn-soài tên ấy, Y ăn chay tu luyện độc ăn hoa quả đã 3 năm nay, Y nói « Hễ thờ thầy. (trời) và ăn chay được ba năm thì sau khi chết 7 ngày lại hoán xác ». Thì nay y đau cuống họng mà chết. Cứ những tình-hết trên ấy thì việc này

do chúng mê-si ám-muội và hay tin nhằm mà tạo ra. Tất do Y dẫu hay là đồ đệ Y tin lời Y nói trước mà làm ra. Việc làm hoặc họ bỏ cái xác lại không tròn dề dọi hồn hoàn xác. Hoặc họ đào má mở ván lấy xác về. Bởi thế lúc bỏ xác vào ván họ mới phò bầy và làm trò ra có bản lễ sất, đánh chốt, chặt chẽ cho mọi người biết, sau thấy quá cái số 7 ngày hồn không, hoàu xác và thối-tha ghê tởm, việc bại lộ nên họ phải trình quan. Quan trên nghi đã bắt bọn tên Tơoi giam hỏi Nhưng chắc việc sẽ trình bày ra đủ sự thực mà cũng chỉ trong cái vòng mê-tin làm cần đó thôi. Cõi đó thì biết dù học-thuật, chính-trị, tông-giáo nào, cũng phải có cái đất trình-đồ dân-trí khai-minh thì cái hay mới nảy nở được, không thì chỉ thêm nhiều ra những cái giở, bớỉ trò cười cho thiên-hạ mà thôi.

TIN THẾ-GIỚI

Việc Tàu, Nhật

Nhật trục tức các nước Âu Mỹ

Lấy được Cồ-lăng dữ rồi, Nhật lại còn cho máy bay thả bom xuống kinh-đô Trùng-khánh của Tàu lần này tàn hai rất lớn Ba nước Anh, Pháp, Mỹ thấy Nhật chiếm Cồ-lăng-dữ là nơi công-cộng tô-giới ở gần Hạ môn, ba nước cho chiến-hạm đến cũng đồ bỏ nhưng vẫn chưa có chuyện gì và Nhật cũng vẫn không rút quân đã đồ bỏ ở đấy. Nay, ngày 2 Juin lại có tin Nhật lại thêm quân đồ bỏ nữa, ở Cồ-lăng-dữ và lại tập trung 7 chiến-hạm ở Sán-dầu và thảng thêm viện-binh đến Hạ môn. Theo lời các nhà quan-xát trung-lập thì Nhật định dọa nạt để cho được quyền kiểm-xát các tô-giới công-cộng thì các tô-giới ấy thuộc quyền Nhật bảo hộ mất rồi còn gì, các nước Âu-Mỹ sao họ chịu, mà không chịu thì sẽ đối phó thế nào đây.

KINH TRINH CÁC GIAO-HỮU VÀ
THẬP-PHƯƠNG THIÊN-TÍN

Trước đây Hội này M. Đoàn-vân-Liệu đi thu tiền cho Hội, xong xét ra việc thu tiền ấy chưa rõ rệt lắm.

Nên Hội-đồng quản-trị Hội Phật-giáo Bắc-kỳ họp Hội-đồng ngày 15 Mai 1939 đã giao toàn quyền việc thu tiền-niên-liếm của các giáo-hữu cho về Trung-trong cho ông Nguyễn-hữu-Kha là trưởng-ban Hộ-niệm của Hội là chức một ban đi đến từng nhà riêng các vị Hội viên thu tiền Hội cho được chu đáo.

Các Hội-viên qua lại Hội-quản trong khi lễ lễ nếu muốn tiền đóng tiền thì cũng cứ giao cho ông Kha và lấy giấy biên lai chính thức ngay.

Những số tiền của Hội viên cũng góp sẽ do ban kế toán vào sổ thu, rồi giao sang ông Tổng-hù-quỹ Lê-Toại nhận giữ.

Vậy có mấy lời kính cáo đề các ngài hội viên lưu biệt.

*Ban Trị sự Hội Phật-giáo Bắc-kỳ
Kính cáo*

HỢP THO

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng Mandat)

Nguyễn văn Liên, Nam định (106-120)	1\$00
Lê văn Xuân Toanh hóa (76-146)	4 50
Nguyễn văn Vị Phạm Pênh (100-122)	1.50
Đặng Phước Truyện Chợ lớn (85-108)	1.50
Quách Vĩnh Hương Bắc-liêu (100-122)	1.50
Lê Văn Lực Bến tre (76-122)	3 00
Vũ Xuân Cúc Nam định (100-122)	1.50
Phạm Nguyễn Cát Kiều an (68-84)	1.00
Trần Văn Tiêng Long Mỹ (76-90)	1.00
Nguyễn Văn Cúc Hải dương (93-105)	1.50
Nguyễn Đăng Trà Vĩnh (92-113)	1.50
Pháp Quân Bà Rịa (76-99)	1.50
Nguyễn Xuân Nghiêm Bà Rịa (76-122)	3 00
Nguyễn Thế Ngọc Bến tre (100-122)	1.50
Lê Khánh Hòa — (100-122)	1.70
Sa môn Tâm Quang — (76-107)	2.00

Xin trả lời Ngài nào đó hỏi về việc bài chữ Nho trong Đuốc-Tuệ. Vì thợ in đặt lầm một bát, nên đã cải chỉnh ngay và in ngay bát chữ Nho khác ở số 108 rồi Ngài cứ coi mấy chữ ở dưới bài chữ Nho đó sẽ rõ.

SÁCH MỚI

Bản báo mới nhận được quyền « Chứa Hương-tích » do ông Dương-tự Giáp soạn, giá mỗi quyền là 0\$38.

Quyển « Sức Khỏe » của hiệu thuốc Lạc-Long chuyên khảo cứu về các bệnh và phép vệ sinh, có in nhiều tranh ảnh rất đẹp, thật là một quyển sách có giá trị và bổ ích cho nhân quần xã hội lắm.

Vậy xin cảm ơn các soạn giả đã gửi tặng và xin giới thiệu cùng độc giả.

Đuốc-Tuệ.

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản lý CÔNG-ĐÌNH-BÌNH